

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

LỤC
VÂN
TIÊN

NGUYỄN
THẠCH
GIANG
*khảo đính
và chú giải*

Nguyễn Đình Chiểu: Nhà thơ yêu nước nồng cháy và một nhân cách lớn

Lục Vân Tiên: Một tác phẩm chấn hưng phong hoá dân tộc

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) là một nhà nho yêu nước chân chính tiêu biểu của Nam Bộ trong thế kỷ XIX.

Cùng chung số phận với nhiều văn thi hào và sĩ phu kiệt kiệt khác như Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Trương Định..., Nguyễn Đình Chiểu sống vào một giai đoạn vô cùng đen tối của lịch sử dân tộc. Triều đình nhà Nguyễn (với những ông vua thủ cựu như Tự Đức...) đang trên đà suy sụp, đã mất hẳn khả năng lãnh đạo nhân dân kể cả trong công cuộc xây dựng cũng như công cuộc bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Xã hội Việt Nam thời đó rơi vào tình trạng ngưng trệ và lạc hậu thảm hại. Rốt cuộc, trước sự xâm lược của thực dân Pháp, cái triều đình ươn hèn, bất lực đó đã không thể đối phó, không thể lập được "thế cân bằng" với ngoại bang, và đã để đất nước ta rơi trọn vào tay chúng.

Trước vận mệnh bi đát của đất nước, trước cảnh "sinh dân nghèo" ấy, Nguyễn Đình Chiểu cũng như bao người hiền tài khác, đã đau lòng nhức óc biết là nhường nào!

Trước kia Nguyễn Trãi đã từng nhận định rằng trên đất nước ta, các thời đại "tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, song hào kiệt không bao giờ thiếu" (Bình Ngô đại cáo).

Nguyễn Đình Chiểu là một người con hào kiệt của vùng đồng bằng Nam Bộ, là một nhân cách lớn mà sự nghiệp và tên tuổi của ông sẽ mãi mãi sáng ngời. Là nhà thơ suốt đời bị mù loà, nhưng không những ông là tác giả của tác phẩm bất hủ Lục Vân Tiên, của "Ngư tiều y thuật vấn đáp", "Dương Từ Hà Mậu"..., ông còn là tác giả của những bài thơ, những bài văn tế nổi tiếng, trong đó ông đã tưới máu và nước mắt của mình hoà chung với những bi kịch mà nhân dân anh hùng bất khuất và đau thương của ông phải chịu đựng khi

chống trả bọn xâm lược. Có những câu thơ của ông đã khắc sâu vào lòng người:

*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*

Lịch sử văn học đã xác nhận Nguyễn Đình Chiểu là nhà văn, nhà thơ tiên khu vĩ đại, người mở đầu cho dòng văn học yêu nước và cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Lục Vân Tiên là tác phẩm "tiểu thuyết bằng thơ nôm" sau chót của văn học Việt Nam, được Nguyễn Đình Chiểu sáng tác ngay trong thời kì cận đại. Đó là điểm son cuối cùng của loại hình tác "truyện nôm", "diễn ca nôm" như Chinh phụ ngâm, cung oán ngâm khúc, Hoa Tiên, Phan Trần, Nhị Độ Mai, Bần nữ thán, Truyện Kiều, truyện nôm khuyết danh...

Nguyễn Đình Chiểu đã sáng tác Lục Vân Tiên với động cơ gì?

Như trên đã nói, trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, xã hội Việt Nam, trong cơ chế của một chế độ phong kiến phương Đông ngưng trệ, lạc hậu, đương trụt dài trên con đường suy thoái. Khắp đất nước phơi bày tình cảnh nghèo đói xác xơ, đạo đức con người cũng như phong hoá dân tộc ngày một sa sút.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà Nho chân chính, cho nên trong lòng ông lúc nào cũng đau đáu những ý tưởng về sự "kinh bang tế thế". Do hạn chế về lịch sử, ông chưa nhận thức được rằng những ý tưởng của những sĩ phu phong kiến như ông muốn khôi phục lại một xã hội lý tưởng thời Nghiêu - Thuấn, thực ra đã lỗi thời rồi...

Tuy nhiên với tâm huyết sôi sục của một con người nhập thế tích cực, nhất thiết ông phải hành động để phụng sự đất nước và dân tộc ông. Chính vì thiết tha muốn "đem lời nói đốt cháy lòng thiên hạ" (thơ Puskin) mà ông viết Lục Vân Tiên. Với ông, trong lúc đời đang suy, việc viết một tác phẩm đứng đắn và mang đầy nhiệt huyết như Lục Vân Tiên chính là một diệu kế, khả dĩ cứu vãn được sự suy thoái của đất nước và chấn hưng được phong hoá của dân tộc.

Lục Vân Tiên là bản trường ca đề cập về luân lí đạo đức của con người, nói cách khác: về "Đạo lý Việt Nam".

Đạo lý ấy rất giản dị: Trai thì trung với nước, hiếu với cha mẹ, có chí tiến thủ, giúp nước cứu dân; gái thì tiết hạnh và cao quý; đồng bào ăn ở với nhau thì có thủy có chung, luôn luôn sẵn sàng cứu giúp

nhau trong những cơn hoạn nạn, không vì danh lợi mà chà đạp lên tình người, không vì những đố kỵ và oán hận riêng tây mà hại người, không nên "hành" những nghề lừa bịp tức cười như lang băm, thầy bói, thầy pháp nhảm nhí...

Cái đạo lý rất mực dân dã ấy thực ra lại là rường cột của nền đạo đức của cả một dân tộc, là cội nguồn của hạnh phúc con người. Cái kết thúc "có hậu" của Lục Vân Tiên phản ánh quan niệm của nhân dân đối với những ai biết giữ gìn đạo đức (như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Hớn Minh...). Ngược lại, những nhân vật như Võ Công, mẹ con Thể Loan, Trịnh Hâm, đã phải trả giá đắt chỉ vì họ đã vứt bỏ cái đạo làm người đó.

Là tác phẩm viết cho quảng đại quần chúng, chuyên luận bàn về luân lý đạo đức, Lục Vân Tiên được sáng tác, cốt truyện mạch lạc và hấp dẫn, đậm đà màu sắc văn hoá Nam Bộ.

Đọc Lục Vân Tiên chúng ta cảm nhận được cái tinh thần đạo đức cao quý và tình người chan chứa hiện ra phơi phới trong mỗi trang thơ.

Các nhân vật chính như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Vương Tử Trực, Tiểu Đồng, và các nhân vật phụ như Thể Loan, Kiều Công, Trịnh Hâm, Bùi Kiệm... được tác giả miêu tả khá sinh động, có cá tính.

Đặc biệt nữ nhân vật Kiều Nguyệt Nga - người con gái Việt Nam đức hạnh nết na - rõ ràng có một cuộc sống nội tâm khá phong phú, sâu sắc, một sự thông minh dễ thương và một đức kiên trinh đáng khâm phục, khiến chúng ta không thể không xúc động và yêu quý nàng.

Tất cả những điều đó giải thích vì sao Lục Vân Tiên đã được đông đảo quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Nam Bộ, mến mộ suốt hơn một thế kỷ qua; vì sao Lục Vân Tiên đã đi vào ca dao:

*Vân Tiên Vân Tiễn Vân Tiên
Cho tôi một tiền, tôi kể Vân Tiên...*

TP. Hồ Chí Minh tháng 10-1996

Thiên Chương

LỤC VÂN TIÊN

*Trước đèn xem truyện Tây minh, (1)
Gãi cười hai chữ nhân tình éo le.*

Hỡi ai lẳng lẳng mà nghe,
Dữ răn việc trước lành dè thân sau.
Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.
Có người ở quận Đông Thành,
Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền.
Đặt tên là Lục Vân Tiên,
Tuổi vừa hai tám nghề chuyên học hành.(2)
Theo thầy nấu sủ xôi kinh,
Tháng ngày bao quản sân Trình lao đao (3)
Văn đà khởi phung đăng giao, (4)
Võ thêm ba lược sáu thao ai bì.
Xảy nghe mở hội khoa thi,
Vân tiên vào tạ tôn sư xin về:
"Bấy lâu cửa thánh dựa kề,
Đã tươi khí tượng lại xuê tinh thần.
Nay đà gặp hội long vân,
Ai ai mà chẳng lập thân buổi này.
Chí lắm bắn nhận ven mây, (5)
Danh tôi đăng rạng tiếng thầy bay xa.(6)
Làm trai trong cõi người ta,
Trước là báo bổ sau là hiển vang".(7)
Tôn sư khi ấy luận bàn:
"Gẫm trong số hệ khoa tràng còn xa.
Mấy trời chẳng dám nói ra,(8)
Xui thầy thương tới xót xa trong lòng.
Sau dầu tỏ nỗi đục trong.
Phải toan một phép để phòng hộ thân.
Rày con xuống chốn phong trần,
Thầy cho hai đạo phù thần đem theo.(9)
Chẳng may mà gặp lúc nghèo, (10)
Xướng sông cũng vững lên đèo cũng an".
Tôn sư trở lại hậu đàn,
Vân Tiên ngơ ngẩn trong lòng sinh nghi:
"Chẳng hay mình mắc việc chi,
Tôn sư người dạy khoa kì còn xa?

Hay là bối rối việc nhà,
Hay là đức bạc hay là tài sơ?
Bấy lâu lòng những ước mơ
Hội này chẳng gặp còn chờ hội nao?
Nên hư chẳng biết làm sao,
Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho mình.
Đặng cho rõ nỗi sự tình,
Ngõ sau ngàn dặm đường trình mới an".
Tôn sư ngồi hãy thở than,
Ngó ra trước án thấy chàng trở vô.
Hỏi rằng : "Vạn lý trường đồ,
Sao chưa cất gánh trở vô việc gì?
Hay là con hãy hồ nghi,
Thầy bàn một việc khoa kì ban trưa?"
Vân Tiên nghe nói liền thưa:
"Tiểu sanh chưa biết nắng mưa buổi nào.
Song đường tuổi học đã cao,(11)
Xin thầy nói lại âm hao con tường".(12)
Tôn sư nghe nói thêm thương,
Dắt tay ra chốn tiền đường xem trăng.
Nhân cơ tàng sự dặn rằng:(13)
"Việc người chẳng khác việc trăng trên trời.
Tuy là soi khắp mọi nơi,
Khi mờ khi tỏ khi vơi khi đầy.
Sau con cũng rõ lẽ này,
Lựa là con phải hỏi thầy làm chi.
Số con hai chữ khoa kì,
Khôi tinh đã rạng tử vi thêm loà.(14)
Hiềm vì ngựa chạy đường xa,
Thỏ vừa ló bóng gà đà gáy tan.(15)
Bao giờ cho tới bắc phang,
Gặp chuột ra đàn con mới nên danh.
Sau dầuặng chữ hiển vinh,
Mấy lời thầy nói tiền trình chẳng sai.(16)
Trong cơ bĩ cực thối lai,
Giữ mình cho vẹn việc ai chớ sờn".

Vân Tiên vội vã tạ ơn,
Trăm năm dốc giữ keo sơn mọi lời.
Ra đi vừa rạng chân trời,
Ngùi ngùi nhớ lại nhớ nơi học đường.
Tiên rằng: "Thiên các nhứt phương.(17)
Thầy đeo đoản thảm tơ vương mối sầu.
Quản bao thân trẻ dãi dầu,
Mang đai Tử Lộ quảy bầu Nhan Uyên.(18)
Bao giờ cá nước gặp duyên,
Đặng cho con thảo phỉ nguyên tôi ngay".(19)
Kể từ lứt dăm tới nay,
Mỏi mê hầu đã mấy ngày xông sương.
Đoái nhìn phong cảnh thêm thương,
Vơi vơi dăm cũ nẻo đường còn xa.
Chi bằng kiếm chốn lân gia,
Trước là tìm bạn sau là nghỉ chân.
Việc chi than khóc từng bưng,
Đều đem nhau chạy vào rừng lên non?
Tiên rằng: "Bớ chú công con,
Việc chi nên nổi bon bon chạy hoài?"
Dân rằng: "Tiểu tử là ai,
Hay là một đảng sơn đài theo tao?"(20)
Tiên rằng: "Cớ sự làm sao,
Xin ngừng vài bước sẽ trao một lời".
Dân nghe tiếng nói khoan thai,
Kêu nhau dừng lại bày lời phân qua:
"Nhơn rày có đảng lâu la,
Tên rằng Đỗ Dự hiệu là Phong Lai.
Nhóm nhau ở chốn sơn đài,
Người đều sợ nó có tài khôn đương.
Bây giờ xuống cướp thôn hương.
Thấy con gái tốt qua đường bắt đi.
Xóm làng chẳng dám nói chi,
Cảm thương hai gã nữ nhi mắc nạn.
Con ai vóc ngọc mình vàng,
Má đào mày liễu dung nhan lạnh lùng.(21)

E khi mắc đảng hành hung,
Uổng trang thực nữ sánh cùng thất phu.(22)
Thôi thôi chẳng dám nói lâu,
Chạy đi cho khỏi kéo âu tới mình".(23)
Vân Tiên nổi giận lôi đình,
Hỏi thăm: "Lũ nó còn đình nơi nao?
Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này".
Dân rằng: "Lũ nó còn đây,
Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành.(24)
E khi hoạ hổ bắt thành(25)
Khi không mình lại xô mình xuống hang".(26)
Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy nhắm làng xông vô.
Kêu rằng: "Bớ lũ hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân".
Phong Lai mặt đỏ phùng phùng:
"Thằng nào dám tới lấy lừng vào đây?
Trước gây việc dữ tại đây.
Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng".
Vân Tiên tả đột hữu xung,
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương.(27)
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gương giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.
Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,
Hỏi: "Ai than thóc ở trong xe này?"
Thưa rằng: "Tôi thiệt người ngay,
Sa cơ nên mới làm tay hung đồ.
Trong xe chật hẹp khôn phô,
Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng".
Vân Tiên nghe nói động lòng,
Đáp rằng: "Ta đã trừ dòng lâu la.
Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái ta là phận trai.

Tiểu thơ con gái nhà ai,
Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ?
Chẳng hay tên họ là chi,
Khuê môn phận gái việc gì đến đây?
Trước sau chưa hãn dạ này, (28)
Hai nàng ai tở ai thầy nói ra".
Thưa rằng: "Tôi Kiều Nguyệt Nga,
Con này tì thiếp tên là Kim Liên.
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
Sai quân đem bức thơ về,
Rước tôi qua đó định bề nghi gia.
Làm con đâu dám cãi cha,
Ví dầu ngàn dặm đường xa cũng đành.
Chẳng qua là sự bất bình,
Hay vầy cũng chẳng đành trình làm chi.
Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi.
Trước xe quân tử tạm ngồi,
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.
Chút tôi yếu liễu đào thơ,
Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có bạc vàng thì không.
Gẫm câu báo đức thù công, (29)
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi".
Vân Tiên nghe nói liền cười:
"Làm ơn há dễ trông người trả ơn?
Nay đà rõ đặt nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng. (30)
Đó mà biết chữ thi chung,
Lựa là đây phải theo cùng làm chi".

Nguyệt Nga biết ý chẳng đi,
Hỏi qua tên họ một khi cho tường.
Thưa rằng: "Tiện thiếp đi đường,
Chẳng hay quân tử quê hương nơi nào?"
Phút nghe lời nói thanh tao,
Vân Tiên há nở lòng nào phôi pha:
"Đông Thành vốn thiết quê ta,
Họ là Lục thị tên là Vân Tiên".
Nguyệt Nga vốn đấng thuyền quyên,
Tai nghe lời nói tay liền rút trâm.
Thưa rằng: "Nay gặp tri âm,
Xin đưa một vật để cầm làm tin".
Vân Tiên ngơ mặt chẳng nhìn,
Nguyệt Nga liếc thấy lòng thìn nết na: (31)
"Vây chi một chút gọi là,
Thiếp thưa chưa dứt chàng đã làm ngơ.
Của này là của vất vợ,(32)
Lòng chê cũng phải lòng ngơ sao đành".
Vân Tiên khó nổi làm thình,
Chữ ân buộc lại chữ tình lây dây.(33)
Than rằng: "Đó khéo trêu đây,
Ơn kia đã mấy của này rất sang.
Đương khi gặp gỡ giữa đàng,
Một lời cũng nhớ ngàn vàng chẳng phai.
Nhớ câu trọng ngãi khinh tài,
Nào ai chịu lấy của ai làm gì".
Thưa rằng: "Chút phận nữ nhi,
Vốn chưa biết lẽ có khi mịch lòng.
Ai dè những đứng anh hùng,
Thấy trâm thôi lại thẹn cùng cây trâm".
Riêng than: "Trâm hỡi là trâm,
Vô duyên chi bấy ao cầm mà mơ?
Đưa trâm chàng đã làm ngơ,
Thiếp xin đưa một bài thơ giã từ".
Vân Tiên ngó lại rằng: "ừ,
Làm thơ cho kịp bấy chừ chẳng lâu".

Nguyệt Nga ứng tiếng xin hầu,
Xuống tay liền tả tám câu văn vắn:
"Thơ rồi này thiếp xin dâng,
Ngửa trông lượng rộng văn nhân thế nào?"
Vân Tiên xem thấy ngạt ngào,(34)
Ai dè sức gái tài cao bực này.
Đã mau mà lại thêm hay,
Chẳng phen Tạ nữ cùng tày Từ phi.(35)
Thơ ngâm đủ xuất đủ kì,(36)
Cho hay tài gái kém gì tài trai.
Như vậy ai lại thua ai,
Vân Tiên họa lại một bài trao ra.
Xem thơ biết ý gần xa,
Mai hoà vận điệu, điệu hoà vận mai(37)
Có câu xúc cảnh hứng hoài,(38)
Đường xa vợi vợi dặm dài vợi vợi.
Ai ai cũng ở trong trời,
Gặp nhau lời đã cạn lời thời thôi.
Vân Tiên từ giã phản hồi,
Nguyệt Nga than thở: "Tình ôi là tình.
Nghĩ mình mà ngán cho mình,
Nỗi ân chưa trả nỗi tình lại vương.
Nặng nề hai chữ duyên ương.
Chuỗi sầu ai khéo vắn vương vào lòng.
Nguyệt cùng Nguyệt lão hỡi ông,
Trăm năm cho vẹn chữ từng mới an.(39)
Hữu tình chi bấy Ngưu lang, (40)
Tấm lòng Chúc Nữ vì chàng mà nghiêng.
Thôi thôi em hỡi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê".
Trải qua dấu thỏ đường dê,(41)
Chim kêu vượn hú tứ bề nước non.
Vái trời choặng vuông tròn,
Trăm năm cho trọn lòng son với chàng.
Phút đâu đã tới phủ đàn,
Kiều công xem thấy lòng càng sinh nghi.

Hỏi rằng: "Nào kẻ tùy nhi,(42)
Cớ sao nên nổi con đi một mình?"
Nguyệt Nga thừa việc tiền trình,(43)
Kiều công tưởng nổi sự tình chẳng vui.
Nguyệt Nga dạ hãy bùi ngùi,
Nghĩ mình thôi lại sứt sùi đòi cơn:(44)
"Lao đao phận trẻ chi sồn,
No nao trả đặng công ơn cho chàng".(45)
Kiều công nghe nói liền can,
Dạy rằng: "Con hãy nghỉ an mình vàng.
Khi nào cha rảnh việc quan,
Cho quân đến đó mời chàng đến đây.
Sao sao chẳng kịp thời chày,(46)
Cha nguyện trả đặng ơn này thời thôi.
Hậu đường con hãy tạm lui,
Làm khuây dạ trẻ cho vui lòng già".
Tây lầu trống điểm sang ba,
Nguyệt Nga còn hãy xót xa phận mình.
Dời chân ra chốn hoa đình,(47)
Xem trăng rồi lại chạnh tình cố nhơn.
Than rằng: "Lưu thủy cao sơn,
Ngày nào nghe đặng tiếng đồn tri âm.
Chữ tình càng tưởng càng thâm,(48)
Muốn pha khó lọt muốn dầm khôn phai.
Voi voi đất rộng trời dài,
Hỡi ai nỡ để cho ai đeo phiền".
Trở vào bèn lấy bút nghiên,
Đặt bàn hương án chúc nguyện thần linh.
Lầu lầu một tấm lòng thành,
Hoạ ra một bức tượng hình Vân Tiên.
Than rằng: "Ngàn dặm sơn xuyên,(49)
Chữ ân để dạ chữ duyên nhuộm sầu".
Truyện nàng sau hãy còn lâu,
Truyện chàng xin nổi thứ đầu chép ra.(50)
Vân Tiên từ cách Nguyệt Nga,
Giữa đường lại gặp người ra kinh kì.

Xa xem mặt mũi đen xì,
Mình cao sỗ sộ dị kì rất hung.
Nhớ câu bình thủy tương phùng,(51)
Anh hùng lại gặp anh hùng một khi:
"Chẳng hay danh tánh là chi,
Một mình mang gói ra đi việc gì".
Đáp rằng: "Ta cũng xuống thi,
Hớ Minh tánh tự, Ô Mi quê nhà
Vân Tiên biết lẽ chính tà,
Hễ người dị tướng ắt là tài cao.
Chữ rằng: "Bằng hữu chi giao,(52)
Tình kia đã gặp lẽ nào làm khuây.
Nên rùng há dễ một cây,
Muốn cho có đó cùng đây luôn vắn.
Kìa nơi võ miếu hầu gần,
Hai ta vào đó nghỉ chợp một hồi".
Cùng nhau bày họ tên rồi,
Hai chàng từ tạ đều lui ra đường.
Hớ Minh đi trước tựu trường,
Vân Tiên còn hấy hồi hương viếng nhà.
Mừng rằng: "Nay thấy con ta,
Cha già hằng tưởng mẹ già luống trông.
Bấy lâu đèn sách gia công,
Con đà nên chữ tang bồng cùng chẳng?"
Vân Tiên quỳ lạy thưa rằng:
"Chẳng hơn người cổ cũng bằng người kim.
Dám xin cha mẹ an tâm,
Cho con trả nợ thanh khâm cho rồi"(53)
Mẹ cha thấy nói thêm vui,
Lại lo non nước xa xôi ngàn trùng.
Cho theo một đứa tiểu đồng,
Thư phong một bức dặn cùng Vân Tiên:
"Xưa đà định chữ lương duyên,
Cùng quan hưu trí ở miền Hàn Giang,
Con người là Võ Thể Loan.
Tuổi vừa hai bảy dung nhan mặt mà.(54)

Chữ rằng Hồ Việt nhứt gia, (55)
Con đi qua đó trao qua thơ này.
Con dầu bước đặng thang mây,
Dưới chun đã sẵn một dây tơ hồng".
Song thân dạy bảo vừa xong,
Vân Tiên cùng gã tiểu đồng dõn chân.
a đi tách dăm bằng chừng,
Gió nam rày đã đưa xuân sang hè.
Lại xem dăm liễu đường hoè,
Tin ong ngơ ngáo tiếng ve vang dầy.
Vui xem nước nọ non này,
Nước xao sóng dợn non vầy đá cao.
Màn trời gấm trải biết bao,
Trên nhành chim hót dưới ao cá cười.
Quận thành nhắm cảnh coi người,
Cảnh xinh như vẽ người tươi như dõn.(56)
Hàn Giang phút đã tới nơi,
Vân Tiên ra mắt một hồi trình thơ.
Võ công lấy đọc bấy giờ,
Mừng duyên cầm sắt mối tơ đặng liền.(57)
Liếc coi tướng mạo Vân Tiên,
Khá khen học Lục phước hiền sinh con.
Mày tằm mắt phụng môi son,
Mười phân cốt cách vuông tròn mười phân.
Những e kẻ Tấn người Tần,(58)
Nào hay chữ ngẫu đặng gần chữ giai.(59)
Xem đà đẹp để hoà hai,
Này dẫu nam giản nọ trai đông sàng(60)
Công rằng: "Ngãi tể mới sang,(61)
Muốn lo việc nước phải toan việc nhà".
Tiên rằng: "Nhờ lượng nhạc gia,
Đại khoa dầu đặng tiểu khoa lo gì".(62)
Công rằng: "Con dốc xuống thi,
Sao không kết bạn mà đi tựu trường?
Gần đây có một họ Vương,
Tên là Trử Trục văn chương tốt dõn.(63)

Cha đà sai trẻ qua mời,
Rằng con cùng gã thử chơi một bài.
Thấp cao cao thấp biết tài,
Vầy sau trước bạn cùng mai mới mầu".(64)
Xảy đâu Trử Trục tới hầu,
Võ công sẵn đặt một bầu rượu ngon.
Công rằng: "Nầy bố hai con,
Thơ hay làm đặng rượu ngon thường liền.
Muốn cho Trục sánh cùng Tiên,
Lấy câu bình thủy hữu duyên làm đề".(65)
Song song hai gã giao kèo,(66)
Lục Vương hai họ đua nghề một khi
Cho hay kì lại gặp kì,(67)
Bạch Hàm há dễ kém chi Như Hoàn.(68)
Công rằng : "Đơn quế đôi nhành,
Bảng vàng thẻ bạc đã đành danh nêu.
Như chuông chẳng đánh chẳng kêu,
Ngọn đèn tỏ rõ trước khêu bởi mình.
Thiệt trang lương đồng đã đành,(69)
Khá khen hai họ tài lành hoà hai".
Trục rằng: "Tiên vốn cao tài,
Có đâu én học sánh vai một bầy?(70)
Tình cò mà gặp nhau đây,
Trục này xin nhượng Tiên này làm anh.
Nay đà nên nghĩa đệ huynh,
Xin về mai sẽ thượng trình cùng nhau".(71)
Phút xem trăng đã đứng đầu,
Vân Tiên vào chốn thư lâu nghỉ an.
Võ công trở lại hậu đàng,
Đêm khuya dạy dỗ Thế Loan mọi lời:
"Ngày mai vừa rạng chơn trời,
Tiểu nhi trang điểm ra nơi lê đình.(72)
Gọi là chút nghĩa tổng tình.(73)
Phòng sao cho khỏi bất bình cùng nhau".
Bóng trăng vừa lộ nhành dâu,
Vân Tiên vào tạ giây lâu xuất hành.

Ra đi vừa thuở bình minh,
Thế Loan đứng trước lê đình liễm dung.(74)
Thưa rằng: "Quân tử phó công,(75)
Xin thương bồ liễu chữ tùng ngâi thơ.
Tấm lòng thương gió nhớ mưa,(76)
Đường xa ngàn dặm xin đưa một lời.
Ngày nay thánh chúa trị đời,
Nguyễn cho linh phụng gặp nơi ngô đồng.(77)
Quản bao chút phận má hồng.
Phòng khuya vò võ đợi trông khôn lường.
Chàng dầu cung quế xuyên dương,(78)
Thiếp xin hai chữ tào khương cho bằng.(79)
Xin đừng tham đó bỏ đăng,(80)
Chơi lê quên lựu chơi trăng quên đèn".
Tiên rằng : "Nhu lửa mới nhen,
Để trong một bếp mà chen mấy lò.
May duyên rủi nợ dễ phô,(81)
Chớ nghi Ngô Khởi hãy lo Mãi Thần"(82)
Thế Loan vội vã lui chân,
Vân Tiên từ biệt trông chừng Tràng An.
Xa xa vừa mấy dặm đàng,
Gặp Vương Tử Trực vầy đoàn cùng đi.(83)
Trải qua thủy tú sơn kì,(84)
Phỉ lòng cá nháy gặp thì rồng bay.(85)
Người hay lại gặp cảnh hay,
Khác nào tiên tử chơi rày Bồng Lai.
Cùng nhau tả chút tình hoài, (86)
Năm ba chén rượu một vài câu thơ.
Công danh ai chẳng ước mơ,
Ba tầng cửa Võ một giờ nhảy qua. (87)
Cùng nhau bàn bạc gần xa
Chữ tài chữ mệnh xưa hoà ghét nhau.
Trực rằng: "Rồng xuống vực sâu,
Mặc dầu giỡn sóng mặc dầu chơi mây". (88)
Tiên rằng: "Hồng học đều bay,
E khi mỗi cánh lạc bầy về sau" (89)

Mảng còn trò chuyện với nhau,
Trông chừng kinh địa đã hầu tới nơi. (90)
Chênh vênh vừa xế mặt trời,
Hai người tìm quán nghỉ ngơi đợi kì.
Đều bày tên họ một khi mới tường.
Một người ở quận Phan Dương,
Tên Hâm họ Trịnh tầm thường nghề văn.
Một người ở phủ Dương Xuân,
Họ Bùi tên Kiệm tác chừng đôi mươi. (91)
Hai người lại gặp hai người,
Đều vào một quán vui cười ngả nghiêng.
Kiệm rằng: "Nghe tiếng anh Tiên,
Nay đã thấy mặt phỉ nguyên ước ao".
Hâm rằng: "Chưa biết thấp cao,
Làm thơ mới biết bậc nào tài năng:".
Bèn kêu ông quán nói rằng:
"Khá toan sắm sửa đồ ăn cho bề". (92)
Quán rằng: "Thịt cá ê hề,
Khô lân chả phụng bộn bề thiếu đâu.
Kìa là thuốc lá ướp ngâu, (93)
Trà ve điểm tuyết, rượu bầu cúc hương. (94)
Để khi đãi khách giàu sang,
Đãi người văn vật đãi trang anh hùng".
Bốn người ngồi lại một vòng làm thơ.
Kiệm Hâm còn hãy ngẩn ngơ,
Phút thơ Tiên Trục một giờ đều xong.
Kiệm Hâm xem thấy lạ lòng,
Gẫm nghi Tiên Trục viết từng cổ thi. (96)
Chẳng hay ông quán cười chi,
Vỗ tay xuống chiếu một khi cười dài.
Tiên rằng: "Ông quán cười ai?"
Quán rằng: "Cười kẻ bất tài đồ thơ, (97)
Cười người Tôn Tấn không lừa,
Trước đà thấy máy chẳng ngừa Bàng Quyên". (98)
Trục rằng: "Lời nói hữu duyên,
Thế trong kinh sử có tuyền cùng chăng?" (99)

Quán rằng: "Kinh sử đã từng,
Coi rồi lại khiến lòng hằng xót xa.
Hỏi thời ta phải nói ra,
Vì chưng hay ghét cũng là hay thương" (100)
Tiên rằng: "Trong đục chưa tường,
Chẳng hay thương ghét ghét thương lẽ nào?"
Quán rằng: "Ghét việc tầm phào, (101)
Ghét cay ghét đắng ghét vào tới tâm.
Ghét đời Kiệt Trụ mê dân, (102)
Để dân đến nổi sa hầm sẩy hang.
Ghét đời U Lệ đa đoan, (103)
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần.
Ghét đời Ngũ bá phân vân, (104)
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
Ghét đời thúc quý phân băng, (105)
Sớm đầu tối đánh lẳng nhằng rối dân.
Thương là thương đức thánh nhân,
Khi nơi Tống Vệ lúc Trần lúc Khuông. (106)
Thương thầy Nhan Tử dở dang. (107)
Ba mươi một tuổi tách đàn công danh.
Thương ông Gia Cát tài lành,
Gặp cơn Hớn Mạt đã đành phui pha. (108)
Thương thầy Đồng tử cao xa, (109)
Chí thời có chí ngời mà không ngời.
Thương người Nguyên Lượng ngùi ngùi, (110)
Lỡ bề giúp nước lại lui về cày.
Thương ông Hàn Dũ chẳng may, (111)
Sớm dựng lời biểu ối đày đi xa.
Thương thầy Liêm Lạc đã ra, (112)
Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân.
Xem qua kinh sử mấy lần,
Nửa phần lại ghét nửa phần lại thương".
Trực rằng: "Chùa rách Phật vàng, (113)
Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân. (114)
Thương dân sao chẳng lập thân,
Để khi nắng hạ toan phần làm mưa?"

Quán rằng: "Nghieu Thuấn thuở xưa, (115)
Khó ngăn Sào Phủ, khôn ngừa Hứa Do. (116)
Di Tề chẳng khứng giúp châu, (117)
Một mình một núi ai hầu chi ai.
Ông Y ông Phó ôm tài, (118)
Kẻ cày người cuốc đoái hoài chi đâu.
Thái Công xưa một cần câu, (119)
Hôm mai sông Vị mặc dầu vui chơi.
Nghiem Lăng đã mấy đua bơi, (120)
Cày mây câu nguyệt tả tơi áo cầu. (121)
Trần Đoàn chẳng chút lo âu, (122)

Gió trắng một túi công hầu chiêm bao, (123)
Người nay có khác xưa nào,
Muốn ra ai cấm muốn vào ai ngăn".
Hâm rằng: "Lão quán nói nhăng,
Dẫu cho trái việc cũng thẳng bán cơm.
Gối rơm theo phận gối rơm,
Có đâu ở thấp mà chồm lên cao".
Quán rằng: "Sấm chớp mưa rào,
Ếch ngồi đáy giếng thấy bao lăm trời.
Sông trong cá lội thành thơ,
Xem hai con mắt sáng ngời như châu.
Uống thay đàn gảy tai trâu,
Nước xao đầu vịt ngấm âu nực cười".
Tiên rằng: "Ông quán chớ cười,
Đây đà nhớ lại bảy người Trước Lâm. (124)
Cùng nhau kết bạn đồng tâm,
Khi cò khi rượu khi cầm khi thi.
Công danh phú quý màng chi,
Sao bằng thông thả mặc khi vui lòng.
Rừng nhu biển thánh minh mông, (125)
Dù ai lặn lội cho cùng vậy vay".
Quán rằng: "Đó biết ý đây,
Lời kia đã cạn rượu này thưởng cho".
Kiệm Hâm là đũa so đo,

Thấy Tiên dường ấy âu lo trong lòng.
Khoa này Tiên ắt đầu công,
Hâm dầu có đậu cũng không xong rồi.
Mảng còn nghĩ việc tới lui,
Xảy nghe trống đã giục thôi vào trường.
Kẻ thùng người tráp đầy đường,
Lao xao đoàn bảy chàng ràng lữ la.
Vân Tiên vừa bước chân ra,
Bỗng đâu xảy gặp tin nhà gởi thơ.
Khai phong mới tỏ sự cơ,(126)
Mình gieo xuống đất dật dờ hồn hoa.
Hai hàng lụy ngọc nhỏ sa,
Trời nam đất bắc xót xa đoạn trường.
Anh em ai nấy đều thương,
Trời ơi há nỡ lấp đường công danh.
Những lăm công toại danh thành,
Nào hay từ mẫu u minh sớm đời!
Gắng vào trong quán yên nơi,
Tớ thầy than thở liệu lời quy lai.(127)
Tiểu đồng than vắn than dài:
"Trời sao trời nỡ phụ tài người ngay".
Trực rằng: "Đã đến nỗi này,
Tiểu đồng bậu hãy làm khuây giải phiền.
Sớm hôm thang thuốc giữ gìn,
Chờ ta vài bữa ra trường sẽ hay,
Bây giờ kíp rước thợ may,
Sắm đồ tang phục nội ngày cho xong.
Dây rơm mũ bạc áo thùng.
Cứ theo trong sách Văn Công mà làm".(128)
Tiên rằng: "Con bắc mẹ nam,
Nước non vùi vùi đã cam lỗi nghi.
Trong mình không cánh không vi,
Lấy chi lứt dăm lấy chi bớt đàng.
Vào trong phút lại gặp tang,
Ngẩn ngơ kẻ ở lỡ làng người đi.
Việc trong trời đất biết chi,

Sao dòi vật đổi còn gì mà trông.
Hai hàng lụy ngọc ròn ròn,
Tường bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
Cánh buồm bao quản gió xiêu,
Ngàn trùng biển rộng chín chiu ruột đau.
Thương thay chín chữ cù lao.(129)
Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình".(130)
Quán rằng: "Trời đất thành linh,
Gió mưa đâu phút gãy cành thiên hương".(131)
Ai ai trông thấy cũng thương,
Lỡ bề báo hiếu lỡ đường lập thân.
Dầu cho chước quỷ mưu thần,
Phong trần ai cũng phong trần như ai.
éo le ai khéo đặt bày,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đường đi hơn thảng chẳng gần,
Khi qua khi lại mấy lần xông pha.
Xảy đâu bạn tác vừa ra,(132)
Trực cùng Hâm Kiệm xúm mà đưa Tiên.
Hâm rằng: "Anh chớ ưu phiền,
Khoa này chẳng gặp ta nguyên khoa sau.
Thấy nhau khó nổi giúp nhau,
Một vùng mây bạc dầu dầu khá thương".
Vân Tiên cất gánh lên đường,
Trịnh Hâm ngó lại đôi hàng nhỏ sa.
Đi vừa một dặm đường xa,
Phút nghe ông quán bên ba theo cùng.
Quán rằng: "Thương đáng anh hùng,
Đưa ba hườn thuốc để phòng hộ thân.
Chẳng may gặp lúc gian truân.
Đương khi quá đói thuốc thần cũng no".
Tiên rằng: "Cúi đội ơn cho,
Tấm lòng ngại ngại hãy lo xa gần".(133)
Quán rằng: "Ta cũng băng khuâng,
Thấy vậy nên mới tị trần đến đây.(134)
Non xanh nước biếc vui vầy,

Khi đêm rượu cúc khi ngày trà lan.
Dấn thân vào chốn an nhàn,
Thoát vòng danh lợi lánh đàng thị phi".
Nói rồi quày quả ra đi,(135)
Vân Tiên xem thấy càng nghi trong lòng.
Trông chừng dặm cũ thẳng xông,
Nghĩ đòi cơn lại nã nùng đòi cơn:
"Nên, hư chút phận chi sồn,
Nhớ câu dưỡng dục lo ơn sanh thành.(136)
Mang câu bất hiếu đã đành,
Nghĩ mình mà thẹn cho mình làm con.
Trọn đời một tấm lòng son,
Chí lắm trả nợ nước non cho rồi.
Nào hay nước chảy hoa trôi,
Nào hay phận bạc như vôi thế này.
Một mình ngơ ngẩn đường mây,
Khác nào chiếc nhạn lạc bầy kêu sương.
Đến nay lâm việc mới tường,
Hèn chi thầy dạy khoa trường còn xa".
Tiểu đồng thấy vậy thừa qua:
"Gẫm đây cho đến quê nhà còn lâu.
Thầy sao chẳng ngót cơn sầu,
Mình đi đã mỏi dòng châu thêm nhuần.
E khi mang bệnh nửa chừng,
Trong non khó liệu giữa rừng khôn toan".
Tiên rằng: "Khô héo lá gan,
Ôi thôi con mắt đã mang lấy sầu.
Mịt mù nào thấy chi đâu,(137)
Chưa đi đã mỏi mình đau như dầm.
Có thân phải khổ vì thân,
Thân ơi thân biết mấy lần chẳng may!"
Đồng rằng: "Trời đất có hay,
Ra đi vừaặng mươi ngày lại đau.
Một mình nhắm trước nhắm sau,
Xanh xanh bờ cõi dào dào cỏ cây.
Vốn không làng xóm chi đây,

Xin lần tới đó tìm thầy thuốc thang.
Vừa may gặp khách qua đàng,
Người người đều chỉ vào làng Đồng Văn
Dắt nhau khi ấy hỏi phẫn,(138)
Gặp thầy làm thuốc tên rằng Triệu Ngang.
Ngang rằng: "Khá tạm nghỉ an,
Rạng ngày coi mạch đầu thang mới đành.(139)
Gặp ta bệnh ấy ắt lành,
Bạc tiền trong gói sẵn dành bao nhiêu?"
Đồng rằng: "Tiền bạc chẳng nhiều,
Xin thầy nghĩ lượng đặng điều thuốc thang.
May mà bệnh ấy đặng an,
Bạc còn hai lượng trao sang cho thầy".
Ngang rằng: "Ta ở chốn này,
Ba đời nối nghiệp làm thầy vừa ba.
Sách chi cũng đủ trong nhà,
Nội kinh đã sẵn ngoại khoa thêm màu.
Trước xem Y học làm đầu,
Sau coi Thọ thế thứ cầu Đông y.(140)
Gẫm trong Ngân hải tinh vi,(141)
Cùng là Cang mục thua gì Thanh nang.(142)
Gẫm trong Tập nghiệm lương phang.(143)
Cùng là Ngự Toàn trái đàng Hồi xuân.(144)
Vị chi sẵn đặt quân thần,(145)
Thuốc thời bào chế mười phần nỏ nan. (146)
Mạch thời đọc phú Lư san,(147)
Đặt vào tay bệnh biết đàng tử sanh
Lục quân tứ vật thanh danh.(148)
Thập toàn Bát vị sẵn dành nội thương.(149)
Lại thông Bát trận tân phương.(150)
Lâm nhằm ngoại cảm đầu thang Ngũ sai.(151)
/Đồng rằng: "Thầy thiệt có tài,
Xin vào coi mạch luận bài thuốc chi.
Ngang rằng: "Lục bộ đều suy,(152)
Bộ quan bên tả mạch đi phù hồng.(153)
Cứ trong kinh lạc mà thông,(154)

Mạng môn tướng hoả đã xông lên đầu.(155)
Tam tiêu tích nhiệt đã lâu,
Muốn cho giáng hoả phải đầu tư âm.(156)
Huỳnh liên huỳnh bá huỳnh cầm,(157)
Gia vào cho bội nhiệt tâm mới bình.(158)
Ngoài thời cho điểm vạn linh,(159)
Trong thời cho uống hoàn tình mới xong.(160)
Khá trao hai lượng bạc ròng,
Bổ thêm vị thuốc để phòng đầu thang.
Chẳng qua làm phước cho chàng,
Nào ai đòi cuộc đòi đàn chi ai".(161)
Tiểu đồng những ngỗ thiết tài,
Vội vàng mở gói chẳng nài liền trao.
Mười ngày chẳng bớt chút nào,
Thêm đau trong dạ như bào như xoi.
Đồng rằng: "Vào đó thầy coi,
Bệnh thời không giảm thầy đòi tiền thêm".
Ngang rằng: "Nằm thấy khi đêm.
Tiên sư mách bảo một điềm chiêm bao.(162)
Quỉ thần người ở trên cao,
E khi đường xá lẽ nào biết đâu?(163)
Tiểu đồng, người khá qua cầu,(164)
Cùng ông thầy bói ở đầu tây viên".
Tiểu đồng nghe nói đi liền,
Gặp ông thầy bói đặt tiền mà coi.
Bói rằng: "Ta bói hẩn hoi,
Bói hay đã dậy người coi đã đầy.
Ta đây nào phải các thầy,
Bá vợ bá vất nói nhây không nhằm.
Ôn nhuần Châu Diệc mấy năm,
Sáu mươi bốn quẻ ba trăm dư hào.(165)
Huỳnh kim Dã hạc sách cao,(166)
Lục Nhâm Lục giáp chỗ nào chẳng hay.(167)
Can, chi đều ở trong tay,(168)
Đã thông trời đất lại hay việc người.
Đặt tiền quan một bốn mươi,

Khay trầu chén rượu cho tươi mới thành".
Thầy bèn gieo đặng quẻ linh,
Chiêm tên tuổi ấy lộ trình mắc chi.(169)
ứng vào rùa với cỏ thi, (170)
Rồi thầy coi quẻ một khi mới tường".
Đồng rằng: "Người ở đông phương,
Nhơn đi buôn bán giữa đường chẳng an.
Con nhà họ Lục là chàng,
Tuổi vừa hai tám còn đang thơ ngây".
Bói rằng: "Đinh Sửu năm nay,
Hèn chi giáp tý ngày rày chẳng an.
Mạng kim lại ở cung cần,
Tuổi này là tuổi giàu sang trong đời.
Cầu tài quẻ ấy xa vời,
Khen người khéo nói những lời trêu ta".
Cầm tiền gieo xuống xem qua,
Một giao hai sách lại ba hào trùng.(171)
Trang thành là quẻ lục xung,(172)
Thấy hào phụ mẫu khắc cùng tử tôn.
Hoá ra làm quẻ du hồn, (173)
Lại thêm thế động khắc dồn hào quan.(174)
Cứ trong quẻ ấy mà bàn;
Tuổi này mới chịu mẫu tang trong mình
Xui nên phát bệnh thành linh,
Vì chưng ma quỷ lộ trình rất thiêng.
Muốn cho quẻ ấy đặng yên,
Phải tìm thầy pháp chữa chuyên ít ngày.
Đồng rằng: "Thầy pháp đâu đây?"
Bói rằng: "Cũng ở chốn này bước ra,
Phép hay dậy tiếng đồn xa,
Tên là Đạo Sĩ ở Trà Hương thôn".
Tiểu đồng mới chạy rộn rộn,
Hỏi thăm Đạo sĩ hương thôn chốn nào.
Chợ đông buôn bán lao xao,
Người ta liền chỉ nơi vào chẳng xa.
Đồng đi một buổi tới nhà,

Đạo sĩ xem thấy lòng mà mừng thay.
Đồng rằng: "Nghe tiếng thầy đây,
Trừ ma ếm quỷ phép thầy rất hay".
Pháp rằng: "Ân đã cao tay,(175)
Lại thêm phù chú xưa nay ai bì.(176)
Qua sông cá thấy xếp vi,
Vào rừng cọp thấy phải quỳ lạy đưa.
Pháp hay hú gió kêu mưa,
Sai chim khiến vượn đuổi lừa vật trâu.
Pháp hay miệng niệm một câu,
Tóm râu muôn vật vào bầu hồ linh.(177)
Pháp hay sai đậu thành binh,(178)
Bện hình làm tướng phá thành Diêm vương.
Pháp hay đạo hoả phó thang, (179)
Ngồi gương đứng giáo mở đường thiên hoang.(180)
Có ba lượng bạc trao sang,
Đặng thầy sắm sửa lập đàn chữa cho".
Đồng rằng: "Tôi chẳng so đo,
Khuyên thầy gắng sức chớ lo khó giàu.
Bấy lâu thầy tở theo nhau,
Bạc dành hai lượng phòng sau đi đường.
Chữa chuyên bệnh ấy đặng an,
Rồi tôi sẽ lấy đem sang cho thầy".
Pháp rằng: "Về lấy sang đây,
Cho thầy toan liệu lập bày đàn ra".
Đồng rằng: "Tôi đã lo xa,
Cực vì người bệnh ở nhà chẳng yên.
Xin thầy gắng sức chịu phiền,
Ra công bùa chú chữa chuyên cách nào".
Pháp rằng: "Có khó chi sao,
Người nằm ta chữa rồi trao phù về".
Đồng rằng: "Tôi vốn thẳng hề,(181)
Bệnh chi mà khiến chịu bề chữa chuyên?"
Pháp rằng: "Ta biết kinh quyền,
Đau nam chữa bắc mà thuyền mới tài".
Tiểu đồng nghe lọt vào tai,

Lòng mừng vội vã năm dài chữa chuyên.
Pháp bèn cất tiếng hét lên:
"Mời ông Bàn Cổ tọa tiền chứng miêng.(182)
Thỉnh ông đại thánh Tề Thiên,(183)
Thỉnh bà Võ hậu đều liền đến đây.(184)
Thỉnh ông Nguyên soái chinh tây,(185)
Cùng bà Vương mẫu sum vầy một khi.(186)
Thỉnh ông Phật tổ A Di,
Thập phương chư Phật phù trì giúp công.
Lại mời công chúa Ngũ Long, (187)
Bình Nam ngũ hổ hội đồng an dinh.(188)
Thỉnh trong thiên tướng thiên binh,
Cùng là tam phủ Động Đình Xích Lân.(189)
Thỉnh trong khắp hết quỷ thần,
Cũng đều xuống chốn dương trần vui chơi.
Cho người ba đạo phù trời,
Uống vào khoẻ mạnh như lời chẳng sai".
Tiểu đồng vâng lĩnh theo lời,
Lấy phù trở lại toan bài thuốc thang.
Vào nhà thừa với thầy Ngang:
"Pháp phù đã đủ thầy toan phương nào?"
Ngang rằng: "Còn bạc trong bao,
Thời người khá lấy mà trao cho thầy".
Đồng rằng: "Tôi hãy ở đây,
Bịnh kia dầu khá mình này bán đi".
Triệu Ngang biết chẳng còn chi,
Kiếm đường tráo chác đuổi đi khỏi vòng:(190)
"ở đây làng xóm khó lòng,
E khi mưa nắng ai cùng đỡ che".
Đồng rằng: "Trong gói vắn hoe,
Bởi tin nên mắc bởi nghe nên lằm.
Những lo chạy hết một trăm,
Mình ve khô xé ruột tằm héo don.
Thương thay tiền mất tật còn,
Bơ vơ đất khách thon von thế này.(191)
Thôi thôi gắng gượng khỏi đây,

Tôi đi khuyên giáo đỡ ngày gạo rau".(192)
Vân Tiên chi xiết nỗi sầu,
Tiểu đồng dìu dắt qua cầu Lá Buôn.(193)
Đương khi mưa gió luông tuông,(194)
Người buồn lại gặp cảnh buồn khá thương.
Xiết bao ăn tuyết nằm sương,
Màn trời chiếu đất dậm trường lao đao.
Dầu cho tài trí bực nào,
Gặp cơn nguy hiểm biết sao mà nhờ.
Tiên rằng: "Đi đã ngẩn ngơ,
Tìm nơi cây cối bụi bờ nghỉ chừ".
Đồng rằng: "Chốc nữa khỏi rừng,
Tìm nơi quán xá sẽ dừng nghỉ ngơi".
Non tây vừa khuất mặt trời,
Tớ thầy dìu dắt tới nơi Đại Đề.
Trường thi một lũ vừa về,
Trịnh Hâm xem thấy lại kè hỏi thăm:
"Anh về nay đã hai rằm,(195)
Cớ sao mang bệnh còn nằm nơi đây?"
Tiên rằng: "Tôi vốn chẳng may,
Chẳng hay chừ hữu khoa này thế nao?"
Hâm rằng: "Tử Trục đậu cao,
Tôi cùng Bùi Kiệm đều vào cử nhân.
Một mình về trước viếng thân,
Hai người trở việc còn lần đi sau.
Đương cơn hoạn nạn gặp nhau,
Người lành nỡ bỏ người đau sao đành.
Từ đây tới quận Đông Thành,
Trong mình có bệnh, bộ hành xao xong?
Lần hồi đến chốn giang trung,
Tìm thuyền ta sẽ tháp tùng với nhau".
Tiên rằng: "Tình trước ngãi sau,
Có thương xin khá giúp nhau phen này".
Hâm rằng: "Anh tạm ngồi đây,
Tiểu đồng người tới trước này cùng ta.
Vào rừng kiếm thuốc ngoại khoa,

Phòng khi sông biển phong ba bất kì".
Tiểu đồng vội vã ra đi
Muốn choặng việc quản gò lao đao.
Trịnh Hâm trong dạ gờm đao,
Bắt người đồng tử trói vào gốc cây:
"Trước cho hùm cạp ăn mảy,
Hại Tiên phải dụng mưu này mới xong".
Vân Tiên ngồi những đợi trông,
Trịnh Hâm về nói tiểu đồng cạp ăn.
Vân Tiên than khóc nằm lẩn:
"Có đâu địa hãm thiên băng thành linh.(196)
Bấy lâu đất khách lưu linh,
Một thầy một tớ lộ trình nuôi nhau.
Nay đà hai ngã phân nhau,
Còn ai nưng đỡ trước sau cho mình".
Hâm rằng: "Anh chớ ngại tình,
Tôi xin đưa tới Đông Thành thời thôi".
Vân Tiên chi xiết lụy rơi,
Buồn đà theo gió chạy xuôi một bề.
Tiểu đồng bị trói khôn về,
Kêu la chẳng thấu bốn bề rừng hoang:
"Phận mình đã mắc tai nạn,
Cám thương họ Lục tuổi vàng bơ vơ.
Xiết bao những nỗi dật dờ,
Đò giang nào biết bụi bờ nào hay.
Vân Tiên hồn có linh rày,
Đem tôi theo với đỡ tay chơn cùm".
Vái rồi lụy nhỏ rờn rờn,
Đêm khuya ngồi dựa cột từng ngủ quên.
Sơn quân ghé lại một bên,(197)
Cắn dây mở trói cổng lên ra đàng.
Tiểu đồng thức dậy mơ màng,
Xem qua dấu đất rành rành mới hay.(198)
Nửa mừng nửa lại sợ thay,
Chạy ra chốn cũ tìm thầy Vân Tiên.
Mặt trời vừa khỏi mái hiên,

Người buôn kẻ bán chợ phiên nhộn nhàng.
Hỏi thăm bà quán giữa làng:
"Bữa qua có thấy người tang chưởng là?"(199)
Quán rằng: "Thôi đã ra ma,
Khi mai làng xóm người đà đi chôn".
Tiểu đồng nghe nói kinh hồn,
Hỏi rằng: "Biết chỗ nào chôn chỉ chừng".
Tay lau nước mắt rưng rưng,
Xảy nghe tiếng nói đầu rừng lao xao.
Tiểu đồng vội vã bước vào,
Xóm làng mới hỏi: "Thằng nào tới đây?"
Đồng rằng: "Tớ tới kiếm thầy,
Chẳng hay người thác mả này là ai?"
Người rằng: "Một gã con trai,
ở đâu không biết lạc loài tới đây.
Churn tay mặt mũi tốt thay,
Đau chi nên nổi nước này khá thương".
Tiểu đồng chẳng kịp hỏi han,
Nằm lẫn bên mả khóc than một hồi.
Người đều xem thấy thương ôi,
Kêu nhau vác cuốc đều lui ra làng.
Tiểu đồng nằm giữa rừng hoang,
Che chòi giữ mả lòng toan trọn bề.
Một mình ở đất Đại Đề,
Sớm đi khuyển giáo tối về quảy đơm.(200)
Dốc lòng trả nợ áo cơm,
Sống mà trọn nghĩa thác thơm danh hiền.
Thứ này đến thứ Vân Tiên,
Năm canh ngồi dựa be thuyền thở than.
Trong khăn lụy nhỏ chứa chan,
Cám thương phận tớ mắc nàn khi không.
Lênh đênh thuyền giữa biển đông,
Riêng than một tấm cô bông ngẩn ngơ.(201)
Đêm khuya lặng lẽ như tờ,
Nghênh ngang sao mọc mịt mờ sương bay.(202)
Trịnh Hâm khi ấy ra tay,

Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vời.(203)
Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phôi pha.(204)
Trong thuyền ai nấy kêu la,
Đều thương họ Lục xót xa tấm lòng.
Vân Tiên mình lụy giữa dòng,
Giao long dìu đỡ vào trong bãi rày.
Vừa may trời đã sáng ngày,
Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ.
Hối con vầy lửa một giờ,(205)
Ông hơ bụng dạ mụ hơ mặt mày.
Vân Tiên vừa ấm chân tay,
Ngẩn ngơ hồn phách như say mới rồi.
Ngỡ thân mình phải nước trôi,
Hay đâu còn hãyặng ngồi dương gian.
Ngư ông khi ấy hỏi han,
Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.
Ngư rằng: "Người ở cùng ta,
Hôm mai hể hút với già cho vui".(206)
Tiên rằng: "Ông lấy chi nuôi,
Thân tôi như thể trái mùi trên cây.(207)
May đà trôi nổi đến đây,
Không chi báo đáp mình này trơ trơ".
Ngư rằng: "Lòng lão chẳng mớ,
Dốc lòng hơn nghĩa há chờ trả ơn?
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.
Rày doi mai vịnh vui vầy,(208)
Ngày kia hứng gió đêm này chơi trăng.
Một mình thông thả làm ăn,
Khoẻ quơ chài lưới một quãng câu dầm.
Nghêu ngao nay chích mai đầm,(209)
Một bầu trời đất vui thềm ai hay.
Kinh luân đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế vui say trong trời.
Thuyền nan một chiếc ở đời.

Tắm mưa chải gió trong vờn Hàn Giang".
Tiên rằng: "Vây cũng một làng,
Võ Công người ở gần đàng đây chẳng?"
Ngư rằng: "Nhà ở cũng gần,
Khỏi ba khúc vịnh thì lần đến nơi".
Tiên rằng: "Xưa đã gá lời,
Sui gia bao nỗi đổi dời chẳng thương.
Vợ chồng là đạo tào kương,
Chi bằng tới đó tìm phương gởi mình.
Trăm năm muốn trọn ân tình,
Đương khi hoạn nạn ai đành bỏ nhau.
Chút nhờ cứu tử ơn sâu,(210)
Xin đem tới đó trước sau cho tròn".
Ngư rằng: "Làm đạo rể con,
Cũng như sợi chỉ mà lòn tròn kim
Sợ bay mà mỗi sức chim,
Bơ vơ kiểng lạ khôn tìm cây xưa.
E khi chậm bước tới trưa,
Chớ tin sông cũ bến xưa mà lằm.
Mấy ai ởặng hảo tâm,
Nặng toan giúp nón mưa dầm giúp tôi?
Mấy ai hay nghĩ việc đời,
Nhớ nơi nghèo khổ quên nơi sang giàu?
Đã ba thứ tóc trên đầu,
Gẫm trong sự thế thêm âu cho đời".
Vân Tiên thưa đã hết lời,
Ngư ông chẳng đã, tách vờn đưa sang.(211)
Dắt Tiên vào chốn hậu đàng,
Võ Công xem thấy lòng càng hổ người.
Chẳng qua sợ thế gian cười,
Một lời gượng gạo: "Chào người ngày xưa,
Ngư ông đã có công đưa,
Tới ngày sau sẽ lo lừa đền ơn".
Ngư rằng: "Tôi chẳng lòng sồn,
Xin tròn nợn ngãi còn hơn bạc vàng.
Nhớ xưa trong núi Lư San,

Có ông ngư phủ đưa chàng Ngũ Viên.(212)
Tới sau đình trưởng đỗ thuyền,
Giúp người Hạng Võ qua miền Ô Giang.(213)
Xưa còn thương kẻ mắc nân,
Huống nay ai nỡ quên đàn ngãi nhơn".
Một lời gặng giúp keo sơn,
Ngư ông từ giã lui chun xuống thuyền.
Võ Công không ngớt lòng phiền,
Ân tình, thế lợi khó tuyền đăng vay.
Dạy Tiên: "Người hãy ngồi đây,
Cho ta trở lại sau này liệu toan".
Công rằng: "Hỡi mụ Quỳnh Trang,
Dò lòng ái nữ Thế Loan thế nào?
Mặc con toan liệu làm sao,
Vốn không ép vợ lẽ nào ép con".
Loan rằng: "Gót đỏ như son,
Xưa nay ai nỡ đem chôn xuống bùn.
Ai cho sen muống một bồn,
Ai từng chanh khế sánh phần lựu lê?(214)
Thà không chót chịu một bề,
Nỡ đem mình ngọc dựa kề thất phu!
Dốc lòng chờ đợi danh nhu,
Rể đâu có rể đui mù thế ni?
Đã nghe người nói hội này,
Rằng Vương Tử Trực chiếm rày thủ khoa.
Ta dầu muốn kết sui gia,
Họ Vương, họ Võ một nhà mới xinh".
Công rằng muốn trọn việc mình,
Phải toan một chước dứt tình mới xong.
Nghe rằng trong núi Thương Tông,
Có hang thăm thẳm bít bùng khôn ra.
Đông Thành ngàn dặm còn xa,
Đem chàng bỏ đó ai mà biết đâu".
Phút vừa trăng đã đứng đầu,
Vân Tiên ngồi trước nhà cầu thở than.(215)
Võ Công ra trước đỗ chàng,

Xuống thuyền rồi sẽ đưa sang Đông Thành.
Ra đi đương lúc tam canh,
Dắt vào hang tối bỏ đành Vân Tiên.
Bỏ rồi rón rén bước liền,
Xuống gay chèo quế dờn thuyền tách xa.(216)
Tiên rằng: "Các chú đưa ta,
Xin đưa cho tới quê nhà sẽ hay.
Ghi lòng dốc trọn thảo ngay,
Một phen mà khỏi ngàn ngày chẳng quên".
Lắng nghe vắng tiếng hai bên,
Trong hang thăm tối đá trên chập chồng.
Vân Tiên khi ấy hãi hùng,
Nghĩ ra mới biết Võ Công hại mình.
Nực cười con tạo trở trính,(217)
Chữ duyên tráo chác, chữ tình lãng xao.
Ngẫm mình tai nạn biết bao,
Mới lên khỏi biển lại vào trong hang.
Dây sầu ai khéo vương mang,
Tránh nơi lưới thỏ gập đàng bẫy cheo.(218)
Trong hang sau trước quạnh hiu,
Muốn ra cho khỏi ai dùi dắt đi.
Oan gia nợ đã khéo gây,
Ôi thôi thân thể còn gì mà toan.
Đã đành xa cõi nhân gian,
Dựa mình vào chốn thạch bàn nằm co.
Đêm khuya ngọn gió thổi lò,
Sương sa lác đác mưa tro lạnh lòng.(219)
Năm ngày chịu đói khát ròn,
Nhờ ba hoàn thuốc đỡ lòng hôm mai.
Du thần xem thấy ai hoài,(220)
Xét trong mình gã có bài phù tiên.
Mới hay là Lục Vân Tiên.
Cùng nhau dùi dắt đều liền đêm ra.
Khỏi hang một dặm vừa xa,
Đến nơi đại lộ trời đà hừng đông.
Du thần trở lại sơn trung,

Vân Tiên còn hỡi giấc nồng mê man.
Lão tiều cõm gói sẵn sàng,
Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng.
Tới nơi đại lộ là chừng,
Xảy nghe có tiếng trong rừng thở than.
Hay là yêu quái tà gian,
Rung cây nhát lão làm đàng hại nhân.
Lão tiều liền bước tới gần,
Thiệt là một gã văn nhân mắc nản.
Chi bằng lên tiếng hỏi han:
"Nhơn sao mắc việc tại nản thế nay?"
Vân Tiên nghe tiếng mừng thay,
Vội vàng gượng dậy trình bày trước sau.
Lão tiều nghe nói giờ lâu,
Gẫm trong thế sự gặt đầu thở than:
"Ít người trong tuyết đưa than,(221)
Khó ngồi giữa chợ, ai màng đoái thương".
Vân Tiên nghe nói mới tường,
Cũng trang ẩn dật biết đường thảo ngay:
"Ngửa trông lượng cả cao dày,
Cứu trong một buổi ơn tày tái sinh.
Mai sau về tới Đông Thành,
Đền ơn cứu khổ mới đành dạ tôi".
Lão tiều mới nói: "Thôi thôi,
Làm ơn mà lại trông người sao hay.
Già hay thương kẻ thảo ngay,
Này thôi để lão dắt ngay về nhà".
Tiên rằng: "Trong dạ xót xa,
Nay đà sáu bữa không hoà mùi chi.(222)
Lại thêm rữ liệt tứ chi,
Muốn đi theo đó mà đi khôn rồi".
Lão tiều vội ngửa áo tơi,
Mở cõm trong gói miêng mời Vân Tiên:
"Gắng mà ăn uống cho yên,
Lão ra sức lão công Tiên về nhà".
Khỏi rừng ra tới ngã ba,

May đâu gặp một chàng là Hớn Minh.
Lão tiều lật đặt bốn trĩnh,(223)
Hớn Minh theo hỏi sự tình một khi.
Vân Tiên nghe tiếng cố tri,
Vội mừng bạn cũ còn nghi nỗi mình.
Minh rằng: "Dám hỏi nhơn huynh,(224)
Cớ sao nên nỗi thân hình thế nì?"
Tiên rằng: "Chẳng xiết nói chi,
Thân này nào có khác gì cây trôi.
Linh đình gió dập sóng dồi,
Rày đây mai đó khôn rồi gian nan."
Minh rằng: "Đây khó hỏi han,
Xin vào chùa sẽ luận bàn cùng nhau."
Tiều rằng: "Chẳng dám ngồi lâu
Vào rừng đốn củi bán châu chợ phiên."
Hớn Minh quỳ gối lạy liền:
"Ơn ông cứu đặng Vân Tiên bạn lành,
Này hai lượng bạc trong mình,
Tôi xin báo đáp chút tình cho ông".
Tiều rằng: "Vốn lão tình không.
Một mình ngơ ngẩn non tòng hôm mai.
Tấm lòng chẳng muốn của ai,
Lánh nơi danh lợi chông gai cực lòng.
Kìa non nọ nước thông dong,
Trắng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.
Công hầu phú quý mặc ai,
Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày".
Vân Tiên nghe biết người ngay,
Hỏi thăm tên họ phòng ngày đèn ơn.
Lão tiều trở lại lâm sơn,
Tiên, Minh hai gã đều hoàn am mây.(225)
Tiên rằng: "Đã gặp khoa này,
Cớ sao ngọc hữu ở đây làm gì?"
Minh rằng: "Xưa dốc xuống thi,
Gặp nơi miếu võ đều đi một lần.
Anh thời về trước tỉnh thân.(226)

Tôi thời mang gói sau lần ra kinh.
Đi vừa tới huyện Loan Minh,
Gặp con quan huyện Đặng Sinh là chàng.
Giàu sang ỷ thế nghênh ngang,
Gặp con gái tốt cư ỡng gian không nghĩ.(227)
Tôi bèn nổi giận một khi,
Vật chàng xuống đó bẻ đi một giò.
Mình làm nữ để ai lo,
Bó tay chịu trói nộp cho huyện đàng.
án đầy ra quận Sóc Phang,
Tôi bèn vượt ngục lánh đàng đến đây.
Vừa may mà gặp chùa này,
Mai danh ẩn tích bấy chầy nấu nư ỡng".
Vân Tiên nghe nói thảm thương,
Lại bày một khúc tai ương phận mình.
Mình nghe Tiên nói động tình,
Hai hàng châu lụy như bình nước nghiêng.
Tiên rằng: "Thượng cội xuân huyên,(228)
Tuổi cao tác lớn chịu phiền lao đao.
Trông con như hạn trông dào,
Mình này trôi nổi phương nào biết đâu.
Vùng mây gi ỡng bạc trên đầu,
Ba năm chưa trọn một câu sanh thành.(229)
Hữu tam bất hiếu đã đành.(230)
Tiểu đồng trước đã vì mình thác oan.
Tưởng thôi như cắt ruột gan,
Quặn đau chín khúc chứa chan mấy lần".
Mình rằng: "Người ở trong trần,
Có khi phú quý có lần gian nan.
Thấp cao vàng biết tuổi vàng,
Gặp khi lửa đỏ màu càng thêm xuê.
Thôi thôi anh chớ vội về,
ở đây nư ỡng nấu toan bề thuốc thang.
Bao giờ hết lúc tai nàn,
Đem nhau ta sẽ lập đàng công danh.
Cam La sớm gặp cũng xinh,(231)

Muộn mà Khương Tử cũng vinh một đời.(232)
Nên, hừ có số ở trời,
Bôn chôn sao khỏi đổi dời sao xong".(233)
Vân Tiên khi ấy yên lòng,
ở nơi am tự bạn cùng Hớn Minh.
Võ công làm việc trở trình,(234)
Dứt tình họ Lục mến tình họ Vương.
Kể từ định chước hại chàng,
Thế Loan hớn hở lòng càng thêm vui.
Ngày ngày trang điểm phấn dồi,
Phòng khi gặp gỡ đứng ngồi cho xuê.
Xảy đâu Tử Trục vừa về,
Vào nhà họ Võ thăm bề Vân Tiên.
Công rằng: "Chớ hỏi thêm phiền,
Chàng đà lâm bệnh huỳnh tuyền xa chơi.(235)
Thương chàng phận bạc trong đời,
Cũng vì Nguyệt lão xe lơi mối hồng".
Nghe qua Tử Trục chạnh lòng,
Hai hàng nước mắt rờn rờn như mưa.
Than rằng: "Chạnh nhớ linh xưa,
Nghĩa đà kết nghĩa tình chưa phỉ tình.
Trời sao nữ phụ tài lành,
Bảng vàng chưa thấy ngày xanh đã mòn.
Cùng nhau chưa đặt vuông tròn.
Người đà sớm thác ta còn làm chi?
Trong đời mấy bức cố tri,
Mấy trang đồng đạo mấy người đồng tâm".
Công rằng: "Ta cũng thương thầm,
Tủi duyên con trẻ sắt cầm dở dang.(236)
Thôi thôi khuyên chớ thờ than,
Đây đà tính đặt một đànang rất hay.
Tới đây thời ở lại đây,
Cùng con gái lão sum vầy thất gia.(237)
Phòng khi hôm sớm vào ra,
Thấy Vương Tử Trục cũng là thấy Tiên.
Trục rằng: "Ngồi bút dĩa nghiên,(238)

Anh em xưa có thề nguyện cùng nhau.
Vợ Tiên là Trục chị dâu,
Chị dâu em bạn dám đâu lỗi nghi!
Chẳng hay người học sách chi,
Nói sao những tiếng dị kì khó nghe?
Hay là học thói nước Tề,
Vợ người Tử Củ đưa về Hoàn Công?(239)
Hay là học thói Đường cung,(240)
Vợ người Tiều Lạc sánh cùng Thế Dân?
Người nay nào phải nhà Tần,
Bất Vi gả vợ Dị Nhân lấy làm?(241)
Nói sao chẳng biết hổ thẹn,
Người ta há phải là cầm thú sao?
Võ Công hổ thẹn xiết bao,
Ngồi trên khôn cãi lẽ nào cho qua.
Thế Loan trong cửa bước ra.
Miệng chào: "Thầy cử tân khoa mới về.
Thiếp đà chẳng trọn lời thề,
Lỡ bề sửa tráp lỡ bề nưng khăn.
Tiếc thay dạ tỏ nằng nằng,(242)
Đêm thu chờ đợi bóng trăng bấy chầy.
Chẳng ưng thời cũng làm khuây,
Nỡ buông lời nói chẳng vì chẳng kiêng".
Trục rằng: "Ai Lữ Phụng Tiên,
Phòng toan đem thói Điều Thuyền trêu người.(243)
Mồ chồng ngọn cỏ còn tươi,
Lòng nào mà nở buông lời nguyệt hoa.
Hổ hang vậy cũng người ta,
So loài cầm thú vậy mà khác chi?
Vân Tiên anh hỡi cố tri,
Suối vàng có biết sự ni chẳng là?"
Tay lau nước mắt trở ra,
Về nhà sắm sửa tìm qua Đông Thành.
Võ Công hổ thẹn trong mình,
Năm ngày nhuộm bệnh thất tình chết oan(244)

Thế Loan cùng mẹ Quỳnh Trang,
Mẹ con đóng cửa cư tang trong nhà.
Đoạn này đến thứ Nguyệt Nga,
Hà Khê phủ ấy theo cha học hành.
Kiều Công lên chức thái khanh,
Chỉ sai ra huyện Đông Thành chặn dân.(245)
Ra tởm khắp hết xa gần,
Hỏi thăm họ Lục tìm lần đến nơi.
Khiến quân đem bức thư mời,
Lục ông vâng lệnh tới nơi dinh tiền.
Kiều công hỏi chuyện Vân Tiên.
Lục ông thấy hỏi bỗng liền khóc than.
Thưa rằng: "Nghe tiếng đồn vang,
Con tôi nhuộm bệnh giữa đường bỏ thầy.
Biệt tin từ ấy nhẩn nay,(246)
Phút nghe người hỏi dạ này xốn xang.
Kiều công trong dạ bàng hoàng,
Trở vào nói lại với nàng Nguyệt Nga:
"Lục ông nói lại cùng cha,
Duyên con rày đã trôi hoa giặt bèo.
Riêng than chút phận tơ điều,(247)
Hán Giang chưa gặp Ô Kiều lại rơi".(248)
Nàng rằng: "Phải thiệt như lời,
Xin cha sai kẻ mời người vào trong".
Nguyệt Nga đứng dựa bên phòng,
Tay ôm bức tượng khóc rờn như mưa.
Công rằng: "Nào bức tượng xưa,
Nguyệt Nga con khá đem đưa người nhìn".
Lục ông một buổi ngồi nhìn,
Tay chân mặt mũi giống in con mình.
Chuyện trò sau trước phân minh,
Lục ông khi ấy sự tình mới hay:
Thương con phận bạc lắm thay,
Nguyên xưa còn đó con rày đi đâu?"
Nguyệt Nga chi xiết nỗi sầu,
Lục ông thấy vậy thêm đau gan vàng.

Kiểm lời khuyên giải với nàng:
"Giải cơn phiền não kéo mang lấy sầu.
Người đời như bóng phù du,(249)
Sớm còn tối mất công phu lỡ làng,(250)
Cũng chưa đồng tịch đồng sàng,(251)
Cũng chưa nên nghĩa tào khang đâu mà.
Cũng như cửa sổ ngựa qua,
Nghĩ nào mà ủ mặt hoa cho phiền".
Nàng rằng trước đã trọn nguyên,
Dẫu thay mái tóc phải nhìn mối tơ".
Công rằng chút nặng tình xưa,
Bèn đem tiền bạc tạ đưa cho người.
Lục ông cáo tạ xin lui:
"Tôi đâu dám chịu của người làm chi.
Ngỡ là con trẻ mất đi,
Hay đâu cốt cách còn ghi tượng này.
Bây giờ con lại thấy đây,
Tấm lòng thương nhớ dễ khuây dạng nào.
Ngửa trông đất rộng trời cao,
Tre còn măng mất lẽ nào cho cân".
Lục ông từ tạ lui chân,
Kiều Công sai kẻ gia thần đưa sang.
Nguyệt Nga nhuộm bệnh thở than,
Năm canh lụy ngọc xoắn xang lòng vàng:
"Nhớ khi thề thốt giữa đàng,
Chưa nguôi nỗi thảm lại vương lấy sầu.
Công đà chờ đợi bấy lâu,
Thà không cho gặp buổi đầu thời thôi.
Biết nhau chưaặng mấy hồi,
Kẻ còn người mất trời ôi là trời.
Thề xưa tạc dạ ghi lời,
Thương người quân tử biết đời nào phai.
Tiếc thay một đứng anh tài,
Việc văn việc võ nào ai dám bì.
Thương vì đèn sách lòng ghi,
Uổng công nào thấy tiếng gì là đâu.

Thương vì hai tám tuổi đầu,
Người đời như bóng phù du lỡ làng.
Thương vì chưa đăng hiển vang,
Nước trôi sự nghiệp hoa tàn công danh.
Thương vì đôi lúa chưa thành,
Vua hương bát nước ai dành ngày sau.(252)
Năm canh chẳng ngớt giọt châu,
Mặt nhìn bức tượng ruột đau như dầm.
Dương gian nay chẳng đăng gần,
Âm cung biết có thành thân chẳng là".
Kiều công thức dậy bước ra,
Nghe con than khóc xót xa lòng vàng.
Khuyên rằng: "Con chớ cưu mang,
Gẫm trong còn mất là đàng xưa nay.
Đờn cầm ai nỡ dứt dây,
Chẳng qua con tạo đối xây không thường"
Nàng rằng: "Khôn xiết nỗi thương,
Khi không gãy cánh giữa đường chẳng hay.
Nay đà loan phụng lẽ bầy,
Niệm nghiêng gối chích phận này đã cam.
Trăm năm thề chẳng lòng phàm,(253)
Sông Ngân đưa bạn Cầu Lam rước người.
Thân con còn đứng giữa trời,
Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi".
Kiều công trong dạ chẳng vui:
"Con đành giữ tiết trọn đời hay sao?"
Có người sang cả ngôi cao,
Thái sư chức trọng trong trào sắc phong.
Nghe đồn con gái Kiều công,
Nay mười sáu tuổi tơ hồng chưa vương.
Thái sư dùng lễ vật sang,
Mượn người mai chước kết đàng sui gia.(254)
Kiều công khôn ép Nguyệt Nga,
Lễ nghi đưa lại về nhà thái sư.
Thái sư chẳng biết rộng suy,
Đem điều oán hận sớm ghi vào lòng.

Xảy đâu giặc mọi hành hung,
Ô Qua quốc hiệu binh nhung dấy loạn.(255)
Đánh vào tới ải Đồng Quan,
Sở vương phán hỏi lưỡng ban quần thần:
"Sao cho vững nước an dân,
Các quan ai biết mưu thần bày ra?"
Thái sư nhớ việc cừu nhà,
Vội vàng quỳ xuống tâu qua ngai vàng:
"Thuở xưa giặc mọi dấy loạn,
Vì ham sắc tốt phá tàn Trung Hoa.
Muốn cho khỏi giặc Ô Qua,
Đưa con gái tốt giao hoà thời xong.
Nguyệt Nga là gái Kiều Công,
Tuổi vừa hai tám má hồng đương xinh.
Nàng đà có sắc khuynh thành,
Lại thêm rất bậc tài tình hào hoa.
Đưa nàng về nước Ô Qua,
Phiên vương ưng dạ chắc là bãi binh".
Sở vương nghe tấu thuận tình,
Châu phê dạy sứ ra dinh Đông Thành.
Sắc phong Kiều lão thái khanh:
"Việc trong nhà nước đã đành cậy người,
Nguyệt Nga nàng ấy nên người,
Lựa ngày tháng chín hai mươi cống Hồ".
Kiều công vâng lệnh nhà vua,
Lẽ nào mà dám nói phô điều nào?
Nguyệt Nga trong dạ như bào,
Canh chầy chẳng ngủ những thao thức hoài.
Thất tình trâm nọ biếng cài,
Dựa mình bỏ xả tóc dài ngồi lo:
"Chiêu Quân xưa cũng cống Hồ,
Bởi người Diên Thọ hoạ đồ gây nên(256)
Hạnh Ngươn xưa cũng chẳng yên,
Bởi chưng Lư Kỉ cự hiềm còn nghi.(257)
Hai nàng chẳng đã phải đi,
Một vì ngay chúa một vì thảo cha.

Chiêu Quân nhảy xuống giang hà,
Thương vua nhà Hớn nàng đà quyên sinh.
Hạnh Ngươn nhảy xuống Trì Linh,
Thương người Lương Ngọc duyên lành phui pha.
Tới nay phận bạc là ta,
Nguyễn cùng bức tượng trót đà chung thân.
Tình phu phụ nghĩa quân thần,
Nghĩa xa cũng trọn ớn gần cũng nên.
Nghĩa tình nặng cả hai bên,
Nếu ngay cùng chúa lại quên ớn chồng.
Sao sao một thác thời xong,(258)
Lấy mình báo chúa lấy mình sự phu".
Kiều công thương gởi đương lo,
Nghe con than thở mấy câu thêm phiền.
Kêu vào ngồi dựa trướng tiền,
Lấy lời dạy dỗ cho tuyền thân danh:(259)
"Chẳng qua là việc triều đình,
Nào cha có muốn ép tình chi con".
Nàng rằng: "Con kể chi con,
Bơ vơ chút phận mắt còn quản bao.
Thương cha tuổi hạc đã cao,
E khi ảm lạnh buổi nào biết đâu.
Tuổi già bóng xế nhàn dẫu,
Sớm xem tối xét ai hầu cho cha?"
Công rằng: "Chẳng sá việc nhà,
Hãy an dạ trẻ mà qua nước người.
Hôm nay đã tới mừng mười,
Khá toan sắm sửa hai mươi tống hành".
Nàng rằng: "Việc ấy đã đành,
Còn lo hai chữ ân tình chưa xong.
Con xin sang lạy Lục ông,
Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên.
Ngõ cho ớn ngãi vẹn tuyền.
Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp nhau".
Kiều công biết nghĩ trước sau,
Dạy cho tiền bạc cấp hầu đưa đi.

Lục ông ra rước một khi,
Nguyệt Nga vào đặt lễ nghi sẵn sàng.
Ngày lành giờ ngọ đăng đàn.
Ăn chay nằm đất cho chàng Vân Tiên.
Mở ra bức tượng treo lên,
Trong nhà cho tới láng giềng đều thương.
Nguyệt Nga cất tiếng khóc than:
"Vân Tiên anh hỡi tuổi vàng có hay".
Bảy ngày rồi việc ma chay,
Lại đem tiền bạc tạ rày Lục ông:
"Trông chồng mà chẳng thấy chồng,
Đã đành một nỗi má hồng vô duyên.
Rày vua gả thiếp về Phiên,
Quyết lòng xuống chốn cửu tuyền thấy nhau.
Chẳng chi cũng gọi là dâu,
Muốn lo việc nước phải âu việc nhà.
Một ngày một bước một xa,
Của này để lại cho cha dưỡng già".
Lạy rồi nước mắt nhỏ sa,
Ngùi ngùi lạy tạ bước ra trở về.
Các quan xe giá bọn bề,
Năm mươi thể nữ hầu kề chân tay.
Hai mươi nay đã đến ngày,
Các quan bảo hộ đưa ngay xuống thuyền.
Nguyệt Nga vội khiến Kim Liên,
Lên mời thân phụ xuống thuyền xem qua.
Công rằng: "Thật dạ xót xa,
Con đừng bịn rịn cho cha thăm sầu".
Nàng rằng non nước cao sâu,
Từ đây xa cách con hầu thấy cha.
Thân con về nước Ô Qua,
Đã đành một nỗi làm ma đất người.
Hai phương Nam Bắc cách vời,
Chút xin gởi lại một lời làm khuây.
Hiu hiu gió thổi ngọn cây,
Ấy là hồn trẻ về rày thăm cha".

Kiều công lụy ngọc nhỏ sa,
Các quan ai nấy cũng là đều thương.
Chẳng qua việc ở quân vương,
Cho nên phụ tử hai đường xa xôi.
Buồm trương thuyền vội tách vời,
Các quan đưa đón ngùi ngùi đứng trông.
Mười ngày đã tới ải Đồng,
Mênh mông biển rộng dùng dùng sóng xao.
Đêm nay chẳng biết đêm nào,
Bóng trắng vằng vặc bóng sao mờ mờ.
Trên trời lặng lẽ như tờ,
Nguyệt Nga nhớ nổi tóc tơ chẳng tròn.
Than rằng nọ nước kia non,
Kiếng thời thấy đó người còn về đâu?"
Quân hầu đều ngủ đã lâu,
Lén ra mở bức rèm châu một mình:
"Vắng người có bóng trăng thanh,
Trăm năm xin gởi chút tình lại đây.
Vân Tiên anh hỡi có hay,
Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng".
Than rồi lấy tượng vai mang,
Nhắm dòng nước chảy vội vàng nhẩy ngay.
Kim Liên thức dậy mới hay,
Cùng quân thể nữ một bầu đều lo.
Cùng nhau lặng chẳng dám hô,
Thầm toan mưu kế chẳng cho lộ tình:
"Việc này là việc triều đình,
Đốc quan hay đặt ắt mình thác oan.
Muốn cho cần nhiệm trăm đàng,
Kim Liên thế lấy làm nàng Nguyệt Nga.
Trá hôn về nước Ô Qua,
Ai mà vạch lá ai mà tìm sâu?"
Tính rồi xong xả chước mầu,
Phút nghe thuyền đã đến đầu ải quan.
Đốc quan xe giá sửa sang,
Kiệu trương lọng phụng rước nàng về Phiên.

Nào hay tì tất Kim Liên,
Đặng làm hoàng hậu nước Phiên một đời.
Nguyệt Nga nhẩy xuống giữa vời,
Sóng thần đưa đẩy vào nơi bãi rày.
Bóng trắng vừa khuất ngọn cây,
Nguyệt Nga hồn hầy chơi rày âm cung.
Xiết bao sương tuyết đêm đông,
Mình nằm giữa bãi lạnh lòng ai hay.
Quan âm thương đấng thảo ngay,
Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa.
Dặn rằng: "Nàng hỡi Nguyệt Nga,
Tìm nơi nương nấu cho qua tháng ngày.
Đôi ba năm nữa gần đây,
Vợ chồng sao cũng sum vầy một nơi".
Nguyệt Nga giây phút tỉnh hơi,
Định hồn mới nghĩ mấy lời chiêm bao.
Nên hư chưa biết làm sao,
Bây giờ biết kiếm chốn nào dung thân?
Một mình luống những băng khuâng,
Phút đâu trời đã rạng hừng vừng đông.
Một mình mang bức tượng chồng,
Xảy đâu lại gặp Bùi ông dạo vườn.
Ông rằng: "Nàng ở hà phương,
Việc chi mà tới trong vườn hoa ta?"
Nàng rằng: "Trận gió hôm qua,
Chìm thuyền đến nỗi mình ra thế này.
Tối tăm sẩy bước tới đây,
Xin soi xét tới thơ ngây lạc đường".
Bùi ông dừng ngắm tướng nàng.
Chẳng trang đài các cũng hàng trâm anh.
Đầu đuôi han hỏi sự tình,
Nàng bèn lời thiệt việc mình bày qua.
Bùi ông mừng rước về nhà,
Thay xiêm đổi áo nuôi mà làm con.
Rằng: "Ta sanh đặng chồi non,
Tên là Bùi Kiệm hầy còn ở kinh."

Trong nhà không gái hậu sinh,
Ngày nay đặng gặp minh linh phước trời".
Nguyệt Nga ở đã yên nơi,
Đêm đêm nghĩ lượng việc đời gần xa.
Một lo về nước Ô Qua,
E vua bắt tội cha già rất oan.
Hai lo phận gái hồng nhan,
Sợ khi bảo dưỡng mưu toan lẽ gì.(260)
Nguyệt Nga luống những sầu bi,
Xảy đâu Bùi Kiệm tới khi về nhà.
Từ ngày thấy mặt Nguyệt Nga,
Đêm đêm trần trọc phòng hoa mấy lần.
Thấy nàng thờ bức tượng nhân,
Nghiệm trong tình ý dần lân hỏi liền:(261)
"Tượng này sao giống Vân Tiên.
Bấy lâu thờ có linh thiêng điều gì?"
Nàng rằng: "Làm phận nữ nhi,
Một câu chánh tiết phải ghi vào lòng.(262)
Trăm năm cho vẹn đạo tông,
Sống sao thác vậy một chồng mà thôi".
Kiệm rằng: "Nàng nói sai rồi,
Ai từng bán đất mà ngồi chợ trưa.
Làm người trong cõi gió mưa,
Bảy mươi, mất mặt người xưa thấy nào?
Chúa xuân còn ở vườn đào,
Ong qua bướm lại biết bao nhiêu lần!
Chúa đông ra khỏi vườn xuân,
Hoa tàn nhụy rữa như rừng bỏ hoang!
ở đời ai cậy giàu sang,
Ba xuân mòn hết, ngàn vàng khôn mua.(263)
Hay chi như vãi ở chùa,
Một căn cửa khép bốn mùa lạnh tanh?
Linh đình một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước biết mình vào đâu?
Ai từng mặc áo không khâu,(264)
Ăn cơm không đũa ăn trầu không cau?

Nàng sao chẳng nghĩ trước sau,
Giữ ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình".
Nàng rằng: "Xưa học sử kinh,
Làm thân con gái chữ trinh làm đầu.
Chẳng phen thói nước Trịnh đâu,(265)
Hẹn người tới giữa vườn dâu tự tình".
Kiệm rằng: "Đã biết sử kinh,
Sao không soi xét, để mình ngồi không?
Hồ Dương xưa mới goá chồng,
Còn mơ nhan sắc Tống công cũng vừa.(266)
Hạ Cơ lớn nhỏ đều ưa,
Sớm đưa Doãn, Phủ tối ngửa Trần Quân.(267)
Hón xưa Lữ Hậu thanh xuân,
Còn vừa Cao Tổ mới đành Dị Ki.(268)
Đường xưa Võ Hậu thiệt gì,
Di Tôn khi trẻ Tam Tư lúc già.(269)
Cứ trong sách vở nói ra,
Một đời sung sướng cũng qua một đời!
Ai ai cũng ở trong trời
Chính chuyên, chắc nết, chết thời cũng ma.(270)
Người ta chẳng lấy người ta,
Người ta đâu lấy những là tượng nhân?
Cho nên tiếc phận hồng nhan,
Học đời Như ý vẽ chàng Văn Quân".(271)
Nguyệt Nga biết đức tiểu nhân,
Làm thanh toan chước thoát thân cho rồi.
Bùi ông ngon ngọt trau dồi,
Muốn nàng cho đặt sánh đôi con mình:
"Làm người chấp nhứt sao đành,(272)
Hễ là lịch sự có kinh có quyền.(273)
Tới đây duyên đã bén duyên,
Trăng thanh gió mát cấm thuyền đợi ai?
Nhớ câu xuân bất tái lai,
Ngày nay hoa nở e mai hoa tàn.
Làm chi thiệt phận hồng nhan,
Năm canh gối phụng màn loan lạnh lòng?

Vọng Phu xưa cũng trông chồng,
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phui pha.
Thôi thôi khuyên chớ thờ ra,
Vầy cùng con lão một nhà cho xuôi".(274)
Nguyệt Nga giả dạng mừng vui,
Thưa rằng: "Người có công nuôi bấy chầy.
Tôi xin dám gởi lòng này,
Hãy tua chậm chậm sẽ vầy nhơn duyên.(275)
Tôi xin lạy tạ Vân Tiên,
Chạy đàn bảy bữa cho tuyền thi chung".
Cha con thấy nói mừng lòng,
Dọn nhà sửa chỗ động phòng cho xuê.
Chiếu hoa gối sạch bện bề,
Cỗ đồ bát bửu chỉnh tề chưng ra.(276)
Xảy vừa tới lúc canh ba,
Nguyệt Nga lấy bút đề và câu thơ.
Dán trên vách phấn một tờ,
Vai mang bức tượng một giờ ra đi.
Hai bên bờ bụi rậm rì,
Đêm khuay vắng vẻ gặp khi trăng lờ.
Lạ chùng đường sá bơ vơ,
Có bầy đom đóm sáng nhờ đi theo.
Qua truông rồi lại lên đèo,
Đế kêu dẳng dỏi sương gieo lạnh lòng.
Giày sành, đập sỏi thẳng xông,(277)
Vừa may trời đã vùng đông lối đầu.
Nguyệt Nga điặng hồi lâu,
Tìm nơi bàn thạch ngỗ hầu nghỉ chân.
Người ngay trời Phật cũng vâng,
Lão bà chống gậy trong rừng bước ra.
Hỏi rằng: "Nàng phải Nguyệt Nga,
Khá tua gắng gượng về nhà cùng ta.(278)
Khi khuya nằm thấy Phật bà,
Người đà mách bảo nên già tới đây".
Nguyệt Nga bán tín bán nghi,
Đành liều nhắm mắt theo đi về nhà.

Bước vào thấy những đàn bà,
Làm nghề bô vải lụa là mà thôi.
Nguyệt Nga đành dạ ở rồi,
Từ đây mới biết nổi trôi chốn nào.
Hỏi thăm ra chốn Ô Sào,
Quan san mấy dặm đi vào tới nơi.(279)
Đoạn này tới thứ ra đời, (280)
Vân Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiền.
Nửa đêm nằm thấy ông tiên,
Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.
Kể từ nhuộm bệnh đường xa,
Tháng ngày thấm thoát kể đà sáu năm.
Tuổi cha rày đã năm lăm,
Chạnh lòng nhớ tới đầm đầm lụy sa.
Vân Tiên tính trở lại nhà,
Hớn Minh đưa khỏi năm ba dặm đường.
Tiên rằng : "Ta lại hồi hương,
Ơn nhau sau gặp khoa trường sẽ hay".
Minh rằng : "Tôi vốn chẳng may,
Ngày xưa mắc phải án đày trốn đi.
Dám đâu bày mặt ra thi,
Đã đành hai chữ quy y chùa này". (281)
Tiên rằng : "Phước gặp khoa này,
Sao sao cũng tính sum vầy cùng nhau.
Mấy năm hẩm hút tương rau, (282)
Khó nghèo nữ phụ sang giàu đâu quên.
Lúc hư còn có lúc nên,
Khuyên người chữ dạ cho bền thảo ngay".
Hớn Minh trở lại am mây,
Vân Tiên về một tháng chầy tới nơi.
Lục ông nước mắt tuôn rơi,
Ai dè con sống trên đời thấy cha !
Xóm giềng cô bác gần xa,
Đều mừng chạy tới chập nhà hỏi thăm.
Ông rằng : "Kể đã mấy năm,
Con mang bệnh tật ăn nằm nơi nao ?"

Thưa rằng : "Hoạn nạn xiết bao,
Mẹ tôi phần mộ nơi nào viếng an ".
Đặt bày lễ vật nghiêm trang,
Đọc bài văn tế trước bàn minh sinh : (283)
"Suối vàng hồn mẹ có linh,
Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay.
Tưởng bèn nguồn nước cội cây, (284)
Công cao ngàn trượng ngãi dày chín trắng. (285)
Suy trang nằm giá, khóc mắng, (286)
Hai mươi bốn thảo chẳng bằng người xưa". (287)
Vân Tiên nước mắt như mưa,
Tế rồi hỏi việc khi xưa ở nhà.
Ông rằng : "Có nàng Nguyệt Nga,
Bạc tiền đem giúp cửa nhà mới xuê.
Nhờ nàng nên mới ra bề, (288)
Chẳng thì khó đói bỏ quê đi rồi".
Vân Tiên nghe nói hơi ôi,
Chạnh lòng nghĩ lại một hồi giây lâu.
Hỏi rằng : "Nàng ấy ở đâu,
Đặng con đến đó đáp câu ân tình".
Lục ông thuật việc triều đình,
Đầu đuôi chuyện vẫn tỏ tình cùng Tiên:
"Kiều công rày ở Tây Xuyên,
Cũng vì mắc nịnh biếm quyền đuổi ra". (289)
Tiên rằng : "Cám nghĩa Nguyệt Nga
Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng.
Tây Xuyên ngàn dặm thẳng xông,
Đến nơi ra mắt, Kiều công khóc liền:
"Nguyệt Nga rày ở nước Phiên,
Biết sao cho đặng đoàn viên cùng chàng ?
Mấy thu Hồ Việt đôi phang, (290)
Cũng vì máy tạo én nhàn rẽ nhau.
Thấy chàng dạ lại thêm đau,
Đất trời bao nữ chia bầu cho đành. (291)
Hẹn hòi đặng chút nữ sanh.
Trông cho chồi quế trở nhành mẫu đơn". (292)

Nói rồi lụy nhỏ đòi cơn:
"Cũng vì một sự oán hờn nên gây.
Thôi con ở lại bên này,
Hôm mai thấy mặt cho khuây lòng già".
Vân Tiên từ ấy lân la,
Ôn nhuần kinh sử chờ khoa ứng kì,
Năm sau lệnh mở khoa thi,
Vân Tiên vào tạ xin đi tựu trường.
Trở về thừa với xuân đường,
Kinh sư ngàn dặm một đường thẳng ra. (293)
Vân Tiên dự trúng khôi khoa, (294)
Đương trong nhâm tí thiết là năm nay.
Nhớ lời thầy nói thật hay,
Bắc phương gặp chuột hản rày nên danh.
Vân Tiên vào tạ triều đình,
Lệnh ban y mào hiển vinh về nhà.
Xảy nghe tin giặc Ô Qua,
Phủ vây quan ải, quân ba bốn ngàn.
Sở vương phán trước ngai vàng:
Chỉ sai quốc trạng dẹp loạn bày ong. (295)
Trạng nguyên tâu trước bệ rồng:
"Xin dâng một tướng anh hùng đề binh. (296)
Có người họ Hớn tên Minh,
Sức đương Hạng Võ mạnh kinh Trương Phi.
Ngày xưa mắc án trốn đi,
Phải về nung nấu từ bi ẩn mình".
Sở vương phán trước triều đình,
Chỉ sai tha tội Hớn Minh đòi về.
Sắc phong phó tướng bình di, (297)
Tiên Minh tương hội xiết gì mừng vui. (298)
Nhất thanh phẫn phát oai loi, (299)
Tiên phong hậu tập trống hồi tấn binh. (300)
Quan sơn ngàn dặm đăng trình,
Lãnh cờ binh tặc phá thành Ô Qua. (301)
Làm trai ỡn nước nợ nhà,
Thảo cha, ngay chúa, mới là tài danh.

Phút đầu binh đao quan thành, (302)
Ô Qua xem thấy, xuất hành cự đang. (303)
Tướng Phiên hai gã đường đường,
Một chàng Hoả Hổ một chàng Thần Long.
Lại thêm Cốt Đột nguyên nhung,
Mắt hùm râu đỏ tướng hung lạ lùng.
Hớn Minh ra sức tiên phong,
Đánh cùng Hoả Hổ Thần Long một hồi.
Hớn Minh chùy giáng dường loi, (304)
Hai chàng đều bị một hồi mạng vong.
Nguyên nhung Cốt Đột nổi xung,
Hai tay xách búa đánh cùng Hớn Minh.
Hớn Minh sức chẳng dám kinh,
Thấy chàng hoá phép thoát mình trở lui.
Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô. (305)
Một mình lướt trận xông vô,
Thấy người Cốt Đột biến hô yêu tà.
Vội vàng trở ngựa lui ra,
Truyền đem máu chó đều thoa ngọn cờ.
Ba quân gươm giáo đều dơ,
Yêu ma xem thấy một giờ vỡ tan.
Phép tà Cốt Đột hết phương,
Phùng phùng nổi giận đánh chàng Vân Tiên.
Trung, tiền, tả, hữu, lưỡng biên,
Trạng nguyên - Cốt Đột đánh liên tởn ngày.
Sa cơ Cốt Đột chạy ngay,
Vân Tiên giục ngựa kíp rày đuổi theo.
Đuổi qua mới đặt bảy đèo,
Khá thương Cốt Đột vận nghèo nài bao. (306)
Chạy ngang qua núi Ô Sào,
Phút đầu con ngựa sao hào thương ôi.
Vân Tiên chém Cốt Đột rồi,
Đầu treo cổ ngựa phản hồi bốn quân.
Ôi thôi bốn phía đều rừng,
Trời đà tối mịt lạc chừng gần xa.

Một mình lạc nẻo vào ra,
Lần theo đường núi phút đà tam canh. (307)
Một mình trong chốn non xanh,
Không ai mà hỏi lộ trình trở ra.
Đoạn này tới thứ Nguyệt Nga,
ở đây tính đã hơn ba năm rồi.
Đêm khuya trong ngọn đèn ngồi,
Chẳng hay trong dạ bồi hồi việc chi:
"Quân âm thuở trước nói chi,
éo le phỉnh thiếp lòng ghi nhớ hoài.
Đã đành đá nát vàng phai,
Đã đành xuống chốn dạ đài gặp nhau.
Không trông mong bảy đêm thu,
Không trông bày quạ đội cầu đưa sao. (308)
Phải chi hỏi đặng Nam Tào,
Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau ?"
Nguyệt Nga gượng giải cơn sầu,
Xảy nghe lạc ngựa ở đâu tới nhà.
Kêu rằng: "Ai ở trong nhà,
Đường về quan ải chỉ ra cho cùng".
Nguyệt Nga ngồi sợ hãi hùng,
Vân Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào.
Lão bà lật đật hỏi chào :
"ở đâu mà tới rừng cao một mình ?"
Vân Tiên mới nói sự tình :
"Tôi là quốc trạng trào đình sai ra.
Đem binh dẹp giặc Ô Qua,
Lạc đường đến hỏi thăm nhà bà đây".
Lão bà nghe nói sợ thay :
"Xin ông chớ chấp tôi nay mụ già ".
Vân Tiên ngồi ngắm Nguyệt Nga,
Lại xem bức tượng lòng đà sinh nghi.
Hỏi rằng: "Bức ấy tượng chi,
Khen ai khéo vẽ dung nghi giống mình.
Đầu đuôi chưa rõ sự tình,
Lão bà khá nói tánh danh cho tường ".

Lão bà chẳng dám lời gian :
"Tượng này vốn thiệt chồng nàng ngồi đây".
Tiên rằng : "Nàng xách lại đây,
Nói trong tên họ tượng này ta nghe".
Nguyệt Nga lòng rất kiêng dè,
Mặt thờ giống mặt, còn e lạ người.
Ngồi che tay áo hổ người,
Vân Tiên thấy vậy mỉm cười một khi.
Rằng : "Sao nàng chẳng nói đi,
Hay là ta hỏi động chi chẳng là ?"
Nguyệt Nga khấp nép thừa qua :
"Người trong bức tượng tên là Vân Tiên.
Chàng đang về chốn cửu tuyền,
Thiếp lắm trọn đạo, lánh miền gió trăng".
Vân Tiên nghe nói hỏi phẫn :
"Chồng là tên ấy vợ rằng tên chi ?"
Nàng bèn tỏ thiệt một khi,
Vân Tiên vội vã xuống quì vòng tay.
Thừa rằng : "May gặp nhau đây,
Xin đền ba lạy sẽ bày nguồn cơn.
Để lời thệ hải minh sơn, (309)
Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi.
Vân Tiên vốn thiệt là tôi,
Gặp nhau nay đã phỉ rồi ước mơ".
Nguyệt Nga báng lảng bơ lơ, (310)
Nửa tin rằng bạn, nửa ngờ rằng ai.
Thừa rằng : "Đã thiệt tên ngài,
Khúc nôi xin cứ đầu bài phân qua". (311)
Vân Tiên dẫn tích xưa ra,
Nguyệt Nga khi ấy khóc oà như mưa.
Ân tình càng kể càng ưa,
Mảng còn bịn rịn trời vừa sáng ngay.
Xa nghe quân ó vang dầy,
Bốn bề rừng bụi khắp bày can qua.
Vân Tiên lên ngựa trở ra,
Thấy cờ đề chữ hiệu là Hớn Minh.

Hớn Minh khi ấy dừng binh,
Anh em mừng rỡ tỏ tình cùng nhau.
Minh rằng : "Tẩu tẩu ở đâu, (312)
Cho em ra mắt chị dâu thế nào".
Vân Tiên đem Hớn Minh vào,
Nguyệt Nga đứng dậy miệng chào có duyên.
Minh rằng : "Tưởng chị ở Phiên,
Quyết đem binh mã sang miền Ô Qua.
May đâu sum hiệp một nhà,
Giặc đà an giấc khả ca hồi trào".
Tiên rằng : "Nàng tính thế nào ?"
Nàng rằng : "Anh hãy về trào tàu lên.
Ngỏ nhờ lượng cả bề trên,
Lịnh tha tội trước mới nên về nhà ".
Tiên, Minh trở ngựa đều ra,
Đem binh trở lại triều ca đề huề. (313)
Sở vương nghe trạng nguyên về,
Sai quan tiếp rước vào kê bên ngai.
Sở vương bước xuống kim ngai,
Tay bưng chén rượu thưởng tài trạng nguyên.
Phán rằng : "Trẫm sợ nước Phiên,
Có người Cốt Đột phép tiên lạ lùng.
Nay đã trừ Cốt Đột xong,
Thiệt trời sanh trạng giúp trong nước nhà.
Phải chi trước có trạng ra,
Làm chi nên nổi Nguyệt Nga cố Hồ ".
Lệnh truyền mở yến triều đô,
Rày mừng trừ đảng giặc Ô Qua rồi.
Trạng nguyên quì tấu một hồi,
Nguyệt Nga các việc khúc nôi rõ ràng.
Sở vương nghe tấu ngõ ngang.
Phán rằng : "Trẫm tưởng rằng nàng ở Phiên
Chẳng ngờ nàng với trạng nguyên,
Cùng nhau trước có nhân duyên thuở đầu ".
Thái sư trước bệ quì tâu :
"Ô Qua dấy động qua mâu cũng vì, (314)

Trá hôn oán ấy nên gây,
Nguyệt Nga nàng thiết tội thì khi quân"
Trạng nguyên mặt đỏ phừng phừng,
Bèn đem bức tượng quì dâng làm bằng.
Sở vương xem tượng phán rằng :
"Nguyệt Nga trinh tiết ví bằng người xưa.
Thái sư trước chẳng lo lừa,
Thiếu chi dân thứ phải đưa tới nàng ?
Dầu cho nhứt nguyệt rõ ràng.
Không soi chậu úp cũng mang tiếng đời. (315)
Ngay gian sao cũng có trời,
Việc này vì trẫm nghe lời nên oan ".
Trạng nguyên tâu trước triều đình :
"Thái sư trử dưỡng tôi gian trong nhà.
Trịnh Hâm là đứa gian tà,
Hại tôi buổi trước cũng đà ghe phen ". (316)
Sở vương phán trước bệ tiền :
"Những ngờ tướng ngỏ tôi hiền mà thôi. (317)
Vậy cũng đạo chúa ngài tôi,
Thái sư ý muốn cướp ngôi chín trùng. (318)
Hơn xưa có gã Đồng công, (319)
Nuôi thẳng Lữ Bố cướp dòng họ Lưu.
Đời xưa tôi nịnh biết bao,
Thái sư nay có khác nào người xưa ?
Thấy người trung chánh chẳng ưa,
Rắp tâm kế độc lập lừa mưu sâu.
Trịnh Hâm tội đáng chém đầu,
ấy là mới hết người sau gian tà ".
Sở vương phán trước triều ca :
"Thái sư cách chức về nhà làm dân.
Trịnh Hâm là đứa bạo thần,
Giao cho quốc trạng xử phân pháp hình.
Nguyệt Nga là gái tiết trinh,
Sắc phong quận chúa hiển vinh rõ ràng.
Kiều công xưa mắc tội oan,
Trẫm cho phục chức làm quan Đông Thành.

Trạng nguyên dẹp giặc đã bình,
Kiệu vàng tán bạc hiển vinh về nhà ".
Bãi châu chur tướng trở ra,
Trạng nguyên mời hết đều qua dinh ngồi.
Họ Vương họ Hớn họ Bùi,
Cùng nhau uống rượu đều vui đều cười.
Trạng nguyên mới hỏi một lời :
"Trịnh Hâm tội ấy các người tính sao ?"
Truyền quân dẫn Trịnh Hâm vào,
Mặt nhìn khắp hết miệng chào các anh.
Minh rằng : "Ai mượn kêu anh,
Trước đà đem thói chẳng lành thời thôi.
Kéo ra chém quách cho rồi,
Để chi gai mắt đứng ngồi cắn gan ".
Trực rằng : "Minh nóng nói ngang,
Giết ruồi ai dụng gươm vàng làm chi
Xưa nay mấy đứa vô nghi,
Dẫu cho có sống, làm gì nên thân ?"
Hâm rằng : "Nhờ lượng cố nhân,
Vốn em mới đại một lần xin dung ".
Trạng rằng : "Hể đứng anh hùng,
Nào ai có giết đứa cùng làm chi.
Thôi thôi ta cũng rộng suy,
Truyền quân mở trói đuổi đi cho rồi ".
Trịnh Hâm khỏi giết rất vui,
Vội vàng cúi lạy chân lui ra về.
Còn người Bùi Kiệm máu dê,
Ngồi chai bề mặt như sề thịt trâu.
Hớn Minh - Tử Trực vào tàu,
Xin đưa quốc trạng kíp châu vinh qui.
Một người Bùi Kiệm chẳng đi,
Trong lòng hổ thẹn cũng vì máu dê.
Trạng nguyên xe giá chinh tề,
Sai quân hộ vệ rước về Nguyệt Nga.
Bạc vàng đem tạ lão bà,
Nguyệt Nga từ tạ thẳng qua Đông Thành.

Võng điều gương bạc lọng xanh,
Trạng nguyên Tử Trục Hớn Minh lên đàn,
Trịnh Hâm về tới Hàn Giang,
Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay.
Trịnh Hâm bị cá nuốt rày,
Thiệt trời báo ứng lẽ này rất ưng.
Thấy vậy nên dừng dừng dừng, (320)
Làm người ai nấy thì đừng bắt nân.
Tiểu đồng trước giữ mộ phần,
Ngày qua tháng lại đã gần ba năm.
Của đi khuyên giáo mấy năm.
Tính đem hài cốt về thăm quê nhà.
Hiềm chưa thuê đặng người ta,
Còn đương thơ thần vào ra Đại Đền.
Trạng nguyên khi ấy đi về,
Truyền quân bày tiệc lo bề tế riêng :
"Tiểu đồng hồn bậu có thiêng,
Thoả tình thầy tớ lòng thiêng ngày nay".
Đọc văn nhớ tới chau mày,
Đôi hàng lụy ngọc tuôn ngay ròng ròng.
Người ngay trời phạt động lòng,
Phút đâu ngó thấy tiểu đồng đến coi.
Trạng nguyên còn hầy sứt sùi,
Ngó lên bài vị lại xui lòng phiền. (321)
Tiểu đồng nhắm ngửa nhìn nghiêng :
"Ông này sao giống Vân Tiên cũng kì ?
Ông nào mất xuống âm ti,
Ông nào còn sống nay thì làm quan ?"
Trạng nguyên khi ấy hỏi chàng :
"Phải người đồng tử mặc màn chốn ni ?"
Mấy năm tớ mới gặp thầy,
Cùng nhau kể nỗi đắng cay từ gần (322)
Ai dè còn thấy bốn quan, (323)
Ba năm gìn giữ mồ hoang đã rồi .
Trạng nguyên khi ấy mừng vui,
Tớ thầy sum họp tại nơi Đại Đền.

Đoạn thôi xe giá ra về,
Tuần dư phút đã gần kề Hàn Giang. (324)
Võ công từ xuống suối vàng,
Thế Loan cùng mẹ Quỳnh Trang đeo sầu.
Mẹ con những mảng lo âu ;
"Nghe Vân Tiên sống gặp châu công danh.
Cùng ta xưa có ân tình,
Phải ra đón rước lộ trình hoạ may".
Loan rằng : "Mình ở chẳng hay,
E người còn nhớ những ngày trong hang".
Trang rằng : "Con có hồng nhan,
Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa.
Dầu chàng còn nhớ tích xưa,
Mẹ con ta lại đổ thừa Võ công".
Cùng nhau bàn luận đã xong,
Soi gương đánh phấn ra phòng rước duyên . (325)
Nay đà tới thứ trạng nguyên,
Hàn Giang đã tới bỗng liền đóng quân.
Bạc vàng châu báu áo quần,
Trạng nguyên đem tạ đáp ân ngư tiều.
Ngư tiều nay đặt danh biêu, (326)
Ơn ra một buổi của nhiều trăm xe.
Trạng nguyên chưa kịp trở về,
Thấy Quỳnh Trang đã đứng kề trong quân.
Trang rằng : "Tưởng chữ hôn nhân,
Mẹ con tôi đến lễ mừng trạng nguyên.
Võ công đã xuống huỳnh tuyền,
Xin thương lấy chút thuyền duyên phận này".
Trạng rằng : "Bưng bát nước đầy,
Đổ ngay xuống đất hốt rày sao xong ?
Oan gia nợ ấy trả xong,
Thiếu chi nên nổi mà mong tới đời". (327)
Hớn Minh Tử Trực đứng coi,
Cười rằng : "Hoa khéo làm mời trâu ong.
Khen cho lòng chẳng thẹn lòng,
Còn mang mặt đến đèo bông nổi chi ?

Ca ca sao chẳng chịu đi, (328)
Về cho tẩu tẩu, để khi xách giày ?"
Mẹ con đứng thẹn thùng thay,
Vội vàng cúi lạy, chân rày trở ra.
Trở về chưa kịp tới nhà,
Thấy hai con cọt nhảy ra đón đàng.
Thầy đều bắt mẹ con nằng,
Dem vào lại bỏ trong hang Thương Tòng.
Bốn bề đá lấp bịt bùng,
Mẹ con than khóc không trông ra rồi.
Trời kia quả báo mấy hồi,
Tiếc công son điểm phấn dồi bấy lâu.
Làm người cho biết nghĩa sâu,
Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn.
Chớ đừng theo thói mẹ con,
Thác đà mất kiếp tiếng còn bia danh.
Trạng nguyên về tới Đông Thành,
Lục ông trước đã xây dinh ở làng.
Bày ra sáu lễ sẵn sàng, (329)
Các quan đi họ cưới nàng Nguyệt Nga.
Sui gia đã xứng sui gia,
Rày mừng hai họ một nhà thành thân.
Trăm năm biết mấy tình thần,
Sinh con sau nối gót lân đời đời. (330)

n **Hết --**

DIỄN TÍCH

(1) Bài văn tự răn nổi tiếng bàn về đạo hiếu và đạo nhân, do Trương Tải làm.

(2) *Hai tám*: 16 tuổi

(3) *Sân Trình*: Chỉ Trình Chiêu và Trình Di, hai nhà Tống nho nổi tiếng.

(4) Văn đã như phượng trỗi dậy, rồng bay cao, tức văn đã thành tài.

(5) ý nói quyết thi đỗ.

(6) *Danh tôi*: danh của kẻ tôi tớ (Vân Tiên nói nhún)

(7) Báo đáp công ơn cha mẹ và thầy

- (8) *Máy trời*: thiên cơ (cơ trời huyền bí)
- (9) *Phù thần*: bùa hộ mệnh
- (10) Hiểm nghèo
- (11) *Song đường*: xuân đường, huyên đường (cha mẹ). Tuổi hạc: tuổi thọ.
- (12) *âm hao*: tin tức
- (13) *Nhân cơ trời* đang chứa nhiều bí ẩn (do xem trăng sao mà biết)
- (14) *Sao Thiên Khôi* (sao văn học, thi cử) và *sao Tử vi* (thân mệnh) đều sáng rõ
- (15) *Nhưng gặp năm xung nên chưa thuận* (mão xung dậu)
- (16) *Tiền trình*: con đường phía trước
- (17) *Mỗi người một phương trời*
- (18) *Tử Lộ, Nhan Uyên*: hai học trò giỏi của Khổng Tử, thuở nhỏ rất nghèo, *Tử Lộ* chỉ có một dây đai, *Nhan Uyên* chỉ có một bầu nước.
- (19) *Tôi ngay*: bề tôi trung thành của vua.
- (20) *Đảng sơn đài*: Đảng cướp núi.
- (21) *Dung nhan lạnh lùng* (tiếng cổ): sắc đẹp tuyệt vời.
- (22) *Thục nữ*: con gái đức hạnh. *Thất phu*: đàn ông thô bỉ.
- (23) *âu* (ưu): lo
- (24) *Qua*: ta; *bậu*: người (bạn, anh bạn).
- (25) *Vẽ hổ không thành*: mưu đồ thất bại.
- (26) *khi không*: không dung.
- (27) *Triệu Tử phá vòng Đương Dương*: Lưu Bị bị Tào Tháo đánh bại ở Tân Dã phải bỏ chạy. Quân Tháo đuổi theo đến Đương Dương, thì Lưu Bị phải bỏ cả vợ con, cướp đường rút về phía Nam, tướng tá lạc nhau. Triệu Tử Long một mình đánh phá vòng vây trùng điệp của quân Tào, vượt cầu Trường Bản, tìm gặp Lưu Bị.
- (28) *Chưa hăn*: chưa rõ, chưa biết chắc chắn.
- (29) *Báo trả ơn đức*, đền đáp công lao.
- (30) *Luận ngữ*: "kiến nghĩa bất vi vô dũng dã", nghĩa là : Thấy việc nghĩa không làm là người vô dũng.
- (31) *Thìn*: răn, giữ.
- (32) *Của vất vơ*: của quấy quá, không mấy giá trị.
- (33) *Lây dầy*: lở dorr không xuôi bề nào.

- (34) Ngạt ngào: mùi thơm nức, đây ý nói thơ hay lắm.
- (35) Chẳng phen: chẳng bằng, chẳng sánh kịp. Tạ nữ: tức Tạ Đạo Uẩn đời Tấn nổi tiếng thông minh, giỏi thơ văn. Từ phi: tên Huệ, người đời Đường, tám tuổi đã giỏi việc văn thơ.
- (36) Dữ xuất dữ kì: càng đọc càng thấy hay thấy lạ
- (37) Mai điệu: tranh mai và chim đẹp hài hoà. Đây nói thơ xướng hoạ, tình ý rất xứng hợp nhau.
- (38) Xúc cảnh hứng hoài: xúc cảm trước cảnh đẹp mà động lòng thơ.
- (39) Vẹn chữ tòng: trọn đạo làm vợ (theo chồng).
- (40) Ngưu lang: nhân vật thần thoại, chồng của Chức Nữ.
- (41) Dấu thỏ đường dê: nơi xa xôi hẻo lánh, không vết chân người, chỉ có dấu chân thỏ, chân dê rừng.
- (42) Tuỳ nhi: trẻ theo hầu.
- (43) Tiền trình: việc đi đường vừa rồi.
- (44) Đồi cơn: nhiều cơn.
- (45) No nao: nỏ biết lúc nào, chừng nào.
- (46) Sao sao: dù thế nào.
- (47) Hoa đình: nhà nhỏ ngồi thưởng hoa.
- (48) Thâm: sâu
- (49) Sơn xuyên: núi sông, nói sự xa xôi cách trở.
- (50) Thứ đầu: lớp đầu, phần đầu.
- (51) Bình thủy tương phùng: bè nước gặp nhau, tình cờ mà gặp.
- (52) Bằng hữu chi giao : tình bạn bè.
- (53) Thanh khâm: áo cổ xanh là áo của học trò thời xưa thường bận. Nợ thanh khâm, cũng như nói nợ bút nghiên.
- (54) Hai bảy: mười bốn
- (55) Hồ Việt nhứt gia: người Hồ (phía Bắc) kẻ Việt (phía Nam) chung một nhà.
- (56) Dồi: trau dồi son phấn.
- (57) Duyên cầm sắt: duyên vợ chồng hoà thuận êm ấm (như tiếng đàn sắt, đàn cầm hoà nhau).
- (58) Kẻ ở nước Tấn (phía Đông) người ở nước Tần (phía Tây), chỉ sự xa cách mỗi người một ngả.
- (59) Tức giai ngẫu (một đôi tốt đẹp), chỉ vợ chồng tốt đôi.

(60) *Dâu nam giản*: Người con dâu trung hậu, đảm đang, lấy ý từ kinh Thi: "Hái rau tần từ bờ suối phía Nam", là thơ khen người vợ trẻ đảm đang lo việc nội trợ. Trai đồng sàng: chỉ chàng rể tốt.

(61) *Ngãi tể*: con rể.

(62) *Đại khoa*: là thi đỗ. Tiểu khoa: là cưới vợ.

(63) *Tốt đời*: hơn đời, hơn hết mọi người.

(64) *Trước*: là trúc. Đây ý nói hai người kết bạn thân với nhau là rất tốt, như trúc, mai.

(65) *Bình thủy hữu duyên*: bèo nước có duyên.

(66) *Giao kê*: sánh ngòi gần kề bên nhau.

(67) *Kì*: chỉ người tài giỏi khác thường.

(68) *Bạch Hàm Như Hoàn*: hai nhân vật nổi tiếng thơ văn, tài hoa trong truyện Bình Sơn Lãnh Yến.

(69) *Lương đồng*: rường cột, chỉ người có tài đức lớn giúp nổi việc nước.

(70) *Én học*: ý nói chim én không sánh được với chim học (Trực nói nhún)

(71) *Thượng trình*: lên đường.

(72) *Tiểu nhi*: con trẻ, tiếng cha mẹ gọi con. Lên đình: Sân có trồng lê.

(73) *Tố tụng*: tiến nhau trong tình cảm.

(74) *Liễm dung*: Nghiêm chỉnh dáng điệu để tỏ ý tôn trọng.

(75) *Phó công*: đi thi lập công danh.

(76) Nôn nao không yên, như mưa, như gió luôn xao động.

(77) Chim phượng thiêng đậu đúng cây ngô đồng, ví người hiền tài được ở vị trí xứng đáng.

(78) *Cung quế xuyên dương*: ví việc thi đỗ, công thành danh đạt.

(79) *Tào Khương*: Tấm Cám, vợ chồng lấy nhau từ lúc còn nghèo hèn.

(80) Nói lòng dạ đổi thay, tham mới bỏ cũ. Đó và đăng là hai dụng cụ đan bằng tre để bắt cá.

(81) May thì gặp duyên, rủi thì gặp nợ, lẽ đó bày ra rành rành.

(82) Để được làm quan to, Ngô Khởi đã giết vợ. Chu Mãi Thần vì nghèo nên vợ bỏ đi lấy chồng khác. Sau Mãi Thần làm đến chức thái thú.

(83) *Vây đoàn*: họp lại thành đoàn.

- (84) Sông đẹp núi lạ, nói cảnh đẹp.
- (85) Gặp thời, thoả lòng đua sức đua tài."
- (86) *Tình hoài*: tâm tình cảm xúc ở trong lòng.
- (87) *Cửa Võ*: Mỏm núi đá hình cái cửa có sóng dữ, tục truyền hàng năm vào tiết tháng ba, cá chép khắp nơi kéo về vượt Vũ môn, con nào nhảy qua được thì hoá rồng. Nhân đó, cửa Vũ chỉ trường thi, và thi đỗ gọi vượt qua Vũ môn.
- (88) Trục nói phen này mặc sức vầy vùng.
- (89) Vân Tiên e ngại lần này không theo kịp chúng bạn.
- (90) *Kinh địa*: đất kinh đô.
- (91) *Tác chừng*: tuổi tác chừng vào khoảng.
- (92) *Cho bề*: cho nhiều, như nói bề bộn, bề bề.
- (93) *Ướp ngâu*: ướp hoa ngâu vàng rất thơm.
- (94) *Trà ve*: chè đựng trong chai, lọ nhỏ. *Điểm tuyết*: Lấm tấm màu tuyết, nói trà ngon. *Cúc hương*: hương hoa cúc.
- (95) *Bĩ bàng*: đầy đủ, tươm tất.
- (96) *Viết từng cổ thi*: viết dựa dẫm theo thơ cũ có sẵn.
- (97) *Bất tài đồ thơ*: không có tài năng về sách vở, tức là nói người học tồi, sức học kém cỏi.
- (98) Tôn Tẩn là bạn học binh pháp với Bàng Quyên, sau bị Quyên hại, chặt hai chân, để gìm tài. Thầy học Quỷ Cốc Tử đã bảo trước cho Tôn Tẩn nhưng ông không đề phòng (không lừa, không lựa chọn).
- (99) *Tuyền*: trọn đủ cả. ý cả câu: ông có thông thuộc cả kinh sử hay không?
- (100) *Hay ghét hay thương*: biết ghét và biết thương.
- (101) *Tầm phào*: vu vơ, hão huyền.
- (102) *Kiệt Trụ*: Vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương, cả hai đều bạo ngược, vô đạo, hoang dân.
- 103 *U Lệ*: U vương và Lệ vương thời nhà Chu làm nhiều việc bạo ngược, vô đạo. Đa đoan: lảm chuyện rắc rối.
- 104 *Ngũ bá*: cuối đời nhà Chu, năm vua chư hầu kế tiếp nhau nổi lên làm chủ một thời, nhân dân phải lầm than điêu đứng. Phân vân: lộn xộn bối rối như cảnh loạn.
- 105 *Đời thúc quý*: đời suy loạn sắp bị diệt vong. Phân băng: chia lìa.

Sớm đầu tối đánh: sớm đầu hàng, tối lại đánh.

106 *Thánh nhân:* chỉ Khổng Tử, không được dùng, từng đi khắp các nước Tống, Vệ, Trần, Khuông tìm cách hành đạo của mình mà không được. Về sau ông trở về nước Lỗ mở trường dạy học.

107 *Nhan Tử:* tức Nhan Uyên, học trò giỏi của Khổng Tử.

108 *Gia Cát:* tức Gia Cát Lượng, tự Khổng Minh, giúp Lưu Bị đánh bại Tào Tháo, dựng nước ở đất Thục, hết sức lo việc trung hưng nhà Hán, nhưng không thành.

109 *Đồng Tử:* tức Đồng Trọng Thư, danh nho đời Hán.

110 *Nguyên Lượng:* tức Đào Tiềm đời Tấn, tính tình cao thượng, không cầu danh lợi, giỏi thơ văn.

111 *Hàn Dũ:* đời Đường, tinh thông lục kinh, bách gia chư tử, đỗ tiến sĩ làm quan ở triều. Vua mê tín đạo Phật, rước xương Phật vào cung, ông dâng sớ cực lực ngăn cản. Vì thế ông bị đày ra làm quan ở đất Triều Châu.

112 *Liêm, Lạc:* chỉ Chu Đôn Di ở Liêm Khê và hai anh em họ Trình ở Lạc Dương. Cả ba đều là những nhà triết học đời Tống, có ra làm quan nhưng không được đắc dụng, lại trở về dạy học.

113 *Nói nhân tài ở chỗ nghèo hèn.*

114 *Kinh luân:* tài sắp đặt tổ chức việc nước.

115 *Nghiêu Thuấn:* hai vua truyền thuyết được nhà nho coi là mẫu mực, đã theo được đạo trời mà trị dân.

116 *Sào Phủ Hứa Do:* Hai ẩn sĩ nổi tiếng đời Nghiêu.

117 *Bá Di và Thúc Tề,* hai người lấy việc nước mất làm xấu hổ, bỏ lên núi thú dương hái rau vi mà ăn, không chịu ăn thóc nhà Chu. *Chăng khứng:* không chịu.

Ai hầu chi ai: không ai chịu hầu hạ, phục dịch cho ai cả.

118 Hai đại công thần nhà Thương.

119 *Thái Công:* Khương Tử Nha, già hơn 70 tuổi vẫn ngồi câu cá ở bờ sông Vị. Chu Văn Vương nhân đi săn gặp ông, bèn đón ông về kinh, tôn làm thầy. Ông giúp Văn Vương và con là Vũ vương dựng nghiệp nhà Chu.

120 *Nghiêm Lăng:* ẩn sĩ đời vua Quang Vũ.

121 *Cày mây câu nguyệt:* cày trong mây, câu dưới trăng là nói cảnh thanh cao ẩn dật. áo cầu: áo cừu, áo may bằng da thú. Nghiêm Lăng ngồi lâu năm áo cừu đã rách nát.

122 *Trần Đoàn*: học rộng, tinh thông kinh Dịch, ẩn ở núi Vũ Dương, tu luyện đạo tiên.

123 *Túi thơ ngâm phong vịnh nguyệt*, coi công danh phú quý như giấc chiêm bao.

124 Bảy người đời Tấn, tính tình phóng đạt, thường họp nhau vui chơi nơi rừng Trúc (Trúc Lâm thất hiền).

125 *Rừng nhu biển thánh*: đạo nho dày như rừng, rộng như biển.

126 *Khai phong*: mở phong thư.

Sự cơ: sự tình, nông nổi.

127 *Qui lai*: trở về, quay về (vì mẹ chết)

128 *Sách Văn Công*: Sách qui định nghi lễ về tang ma cưới xin.

129 *Chín chữ cù lao*: công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dạy con.

130 *Nhũ bộ*: bú sữa, mớm cơm.

131 *Thiên hương*: hương trời, đây dùng chỉ tài năng lỗi lạc của Vân Tiên.

132 *Bạn tác*: bạn cùng tuổi, cùng lứa.

133 Lòng còn lo ngại về đường xa nổi gần chưa biết rồi sẽ ra sao.

134 *Tị trần*: tránh bụi, xa lánh cuộc đời loạn lạc mà đi ở ẩn.

135 *Quày quã*: vội quay phắt ngay đi.

136 *Dưỡng dục*: nuôi nấng, dạy dỗ. Sinh thành: sinh ra và gây dựng nên người.

137 Vân Tiên thấy mắt bỗng tối mù.

138 *Hỏi phẫn*: hỏi lần cho ra manh mối.

139 *Đầu thang*: bốc thuốc.

140 Y học, Thọ thế, Đông y các bộ sách y học cổ truyền.

141 *Ngân hải tinh vi*: sách thuốc về cách chữa mắt.

142 *Cang mục*: sách nói về tính chất các vị thuốc. *Thanh nang*: chỉ sách chép các phương thuốc chưa hề truyền cho ai.

143 Sách tập hợp các phương thuốc hay đã được dùng.

144 *Ngự Toản*; *Hồi xuân*: các sách thuốc cổ.

145 *Xuân thần*: Vị chính vị phụ trong một thang thuốc đông y.

146 *Nỏ nan*: nói thuốc sao khô cẩn thận.

147 *Lư san*: bài phú dạy phép xem mạch.

148 Lục quân, Tứ vật: tên hai thang thuốc căn bản chữa khí, huyết.

149 *Thập toàn*, *Bát vị*: hai bài thuốc bổ chữa bệnh tạng phủ suy.

150 *Bát trận tân phương*: sách thuốc do danh y Trương Giới Tân đời Minh soạn.

151 Khi bị cảm thường uống thang Ngũ sai.

152 *Lục bộ*: sáu bộ mạch.

153 *Phù hồng*: mạch nổi.

154 *Kinh lạc*: các đường truyền dẫn khí huyết trong thân người.

155 *Mạng môn*: huyết ở giữa hai quả thận. Tướng hoả: dương khí (thận hoả).

156 Cơ thể tích nhiệt đã lâu, cần hạ nhiệt (giáng hoả). *Tư âm*: làm vượng âm lên.

157 *Huỳnh liên, huỳnh bá, huỳnh cầm*: ba vị thuốc chữa nóng.

158 Phải thêm gấp bội ba vị này vào, thì nóng ở tim mới bình thường trở lại.

159 *Vạn linh*: thuốc chữa mắt đau.

160 *Hoàn tình*: thuốc uống cho mắt thêm sáng ra.

161 *Đòi cuộc đòi đàn*: Đòi người bệnh phải đặt tiền cược trước.

162 *Tiên sư*: đây nói tiên sư nghề làm thuốc.

163 E khi đi đường, Vân Tiên có làm điều gì phạm đến quỷ thần nên bị quỷ thần phạt.

164 *Cầu*: cầu xin giúp.

165 Châu Diệc; kinh dịch đời Chu. Sách có 64 quẻ, 384 hào. Thời xưa sách dùng vào việc bói toán.

166 *Huỳnh kim, Dã hạc*: hai sách nói về thuật bói toán.

167 *Lục nhâm, Lục giáp*: hai môn thuật số bói toán.

168 *Can, chi*: (trong khoa lí số).

169 *Chiêm*: bói. Lộ trình: nói việc đi đường.

170 *Rùa thi*: mai rùa, cỏ thi là hai thứ dùng để bói.

171 *Giao, sách, trùng*: cách bói dùng ba đồng tiền gieo sáu lần xuống đĩa.

172 *Trang*: trang quẻ. Lục xung: sáu hào trong quẻ xung khắc nhau.

173 *Quẻ du hồn*: quỷ nói việc hồn đi chơi vợ vắn, ứng vào việc Vân Tiên bị long đong nơi đường xa đất khách.

174 Đời Vân Tiên bị xáo động, công danh trắc trở.

175 *ấn*: phù phép trừ tà của thầy pháp.

176 *Phù chú*: lá bùa và câu thần chú.

- 177 *Hồ linh*: bầu thiêng, có thể thu chứa cả trời đất.
- 178 *Sái đậu thành binh*: rảy hạt đậu mà hoá thành binh lính.
- 179 *Đạo hoá*: giẫm lên lửa. Phó thang: dẫn mình vào nước sôi.
- 180 Mở đường thiên hoang: mở đường trời đất.
- 181 *Hề*: hề đồng
- 182 *Bàn Cổ*: ông tổ của trời đất, vạn vật. Toạ tiền chứng miêng: trước bàn thờ chứng minh cho.
- 183 Tôn Ngộ Không.
- 184 *Võ hậu*: tên một vị thần thường đi lại trên đại dương.
- 185 Vị tướng đời Đường.
- 186 Bà tiên cai quản tiên nữ.
- 187 *Công chúa Ngũ Long*: năm công chúa của Long vương.
- 188 *Bình nam ngũ hổ*: năm tướng dũng mãnh đánh chiếm phương Nam. An dinh: đóng yên doanh trại.
- 189 Chỉ chung các vị thần ở trên trời, dưới âm phủ, và trong lòng sông ở Động Đình và Xích Lân.
- 190 *Tráo chác*: lừa dối, trờ mặt.
- 191 *Thon von*: cô đơn sa sút gian nguy.
- 192 *Khuyên giáo*: đi xin của bố thí.
- 193 Cầu bắc qua rạch Lá Buôn (Biên Hoà).
- 194 *Luông tuồng*: tơ bời.
- 195 *Hai rằm*: hai ngày rằm, tức hai tháng.
- 196 Đất sụt trời sập, chỉ tai biến lớn.
- 197 *Sơn quân*: vua núi, chỉ con hổ.
- 198 *Ràng ràng*: rành rành.
- 199 *Người tang*: người bận áo tang.
- 200 *Quả đơm*: cúng lễ.
- 201 *Cô Bồng*: con thuyền lẻ loi.
- 202 Sao mọc nhiều không theo hàng lối nào.
- 203 *Vời*: khoảng nước rộng, lòng sông.
- 204 *Phôi pha*: qua quýt cho xong chuyện.
- 205 *Hối*: giục. Vầy lửa: nhóm lửa.
- 206 Hầm hút chỉ thứ gạo xấu, thức ăn người nghèo.
- 207 *Trái mùi*: trái chín nục.
- 208 *Doi*: dải đất ở cửa sông hay dọc sông.
- 209 *Chích, đầm*: ao hồ.

210 *Cứu tử*: cứu cho khỏi chết.

211 *Chẳng đã*: cực chẳng đã.

212 Ngũ Viên (Ngũ Tử Tư) một lần bị đuổi rất nguy, may được ông chài đưa thoát qua sông.

213 Hạng Võ lúc bị mấy ngàn kị binh Hán đuổi gấp tới sông Ô giang có ông đình trưởng mời qua sông (nhưng Hạng Võ từ chối, ở lại quyết chiến và tự sát).

214 *Phồn*: giống, thứ hạng.

215 *Nhà cầu*: nhà phụ làm lối đi thông nối hai nhà chính.

216 *Gay*: vắn quai chèo chặt vào cọc chèo.

217 *Trớ trịch*: trớ trêu.

218 *Cheo*: loài nai xạ hương.

219 *Thối lò*: thối lùa mạnh vào một nơi.

Mưa tro: mưa bụi, mưa phùn

220 *Du thần*: thần đi xem xét chốn dân gian.

221 *Trong tuyết đưa than*: gặp trời giá tuyết đưa giúp người than sưởi.

222 *Không hoà mùi chi*: không ăn uống gì.

223 *Bôn trính*: lên đường.

224 *Nhơn huynh*: người anh tốt.

225 *Hoàn*: trở về. *Am mây*: chùa nhỏ hẻo lánh.

226 *Tĩnh thân*: thăm nom cha mẹ.

227 *Cưỡng bức phụ nữ*, *bất chấp đạo nghĩa*.

228 *Xuân huyên*: cha mẹ.

229 Để tang ba năm cũng chưa đủ báo đáp công sinh thành của cha mẹ.

230 *Hữu tam bất hiếu*: ba điều bất hiếu.

231 *Cam La*: mưu sĩ thời Chiến quốc.

232 *Khương Tử Nha* (xem CT 119).

233 *Bôn chôn*: nôn vọt.

234 *Lừa dối*.

235 *Huỳnh tuyền*: suối vàng.

236 *Sắt cầm*: tình duyên.

237 *Thất gia*: chỉ vợ chồng.

238 Nhắc lại chuyện làm thơ tỏ tình gần bó.

239 Hoàn Công sai người nói với vua Lỗ giết Tử Củ, chiếm vợ của em.

240 *Đường cung*: cung vua Đường.

241 Bất Vi kén trong số vợ mình, một người tuyệt đẹp đã có mang, dâng cho Tử Sở làm vợ. Thái tử Sở lên làm vua, tức Trang Tương vương. Ba năm sau chết, con Sở (thực chất là con Bất Vi) lên ngôi Tần Vương (Tần Thủy Hoàng).

242 Tục truyền thơ trông bóng trăng mà chữa.

Nằng nằng: quyết một bề không đổi.

243 Điều Thuyền dùng kế mĩ nhân quyến rũ Lã Bố và Đổng Trác, khiến Bố giết Trác.

244 Có điều trái với ý mình mà đâm ra uất ức phiền muộn.

245 *Chăn dân*: trị dân, cho dân yên ổn làm ăn.

246 *Nhấn nay*: đến nay, tới bây giờ.

247 *Tơ điều*: tơ đồ xe duyên.

248 Nguyệt Nga chưa nên nghĩa vợ chồng với Vân Tiên, cũng như Chức nữ, Ngưu lang chưa kịp gặp nhau trên sông Ngân mà nhịp cầu Ô đã rơi mất, không bao giờ gặp lại được nữa.

249 *Phù du*: con vờ.

250 *Công phu lữ làng*: bỏ sức ra làm dang dở.

251 *Đồng tịch đồng sàng*: cùng giường cùng chiếu.

252 *Vừa hương bát nước*: bát hương và chén nước thờ.

253 Vừa đưa chồng về lại bên kia sông Ngân, thì đã lại đến Cầu Lam rước người tình khác. ý nói mất chồng này tìm chồng khác.

254 *Mai chước*: người làm mối.

255 *Ô Qua*: tên ngầm chỉ giặc Qua Oa ở bể vào cướp phá miền Châu Đốc, Hà Tiên.

256 Chiêu Quân thời Hán Nguyên đế bị tuyển làm cung nữ. Nàng không chịu đút lót cho Mao Diên Thọ nên bị y vẽ xấu đi, vua không vời đến. Về sau bị chọn tiến vua Hung Nô.

257 *Hạnh Ngươn*: Nhân vật truyện Nhị Độ Mai.

258 *Sao sao*: dù thế nào đi nữa.

259 *Thân danh*: thân mình và danh dự.

260 E rằng người che chở và nuôi nấng mình có mưu toan gì?

261 *Dần lân*: lân la dần dần.

262 *Chánh tiết*: trinh tiết, ngay thẳng.

263 *Ba xuân*: ba tháng xuân, tuổi xuân.

264 *Bâu*: cổ áo.

265 *Chẳng phen*: chẳng bắt chước. Thói nước Trịnh: thói tà dân như trai gái nước Trịnh trèo tường đón ngõ rủ rê nhau ra nơi đồng nội để thoả lòng dục.

266 Công chúa Hồ Dương chồng chết, phải lòng Tống Hoảng.

267 *Hạ Cơ*: Con gái Trịnh Mục Công, xinh đẹp, lẳng lơ, có chồng mà vẫn một lúc ngoại tình với nhiều người.

268 *Lữ Hậu*: vợ Hán Cao Tổ mất, Lữ Hậu tư thông với Dị Ki (Thẩm Tự Cơ) cho Tự Cơ làm tả thừa tướng để tiện bề chung chạ.

269 Võ Hậu thông tình với hai anh em Trương Xương Tông và Trương Dịch Chi. (Tức Di Tôn, Tam Tư).

270 *Chính chuyên*: một bề tiết hạnh. Trắc nết: mất nết.

271 Nàng Như ý sau khi cứu Văn Quân thoát nạn, đem lòng yêu chàng, vẽ hình chàng. Sau hai người lấy nhau (tuồng cổ).

272 *Chấp nhứt*: câu nệ về một lẽ.

273 Hễ là người trải đời thì phải biết cả chấp kinh (tuân thủ nguyên tắc) lẫn tòng quyền (vượt ngoài nguyên tắc).

274 *Vầy*: sum họp.

275 *Tua*: nên phải.

276 *Gối sách*: gối gập nhiều lớp, có thể chồng lên nhau mà ngồi dựa.

Bát bửu: tám vật quý là gương, giáo, búa... bằng đồng hay bạc để bày cho thêm sang trọng.

277 Giầy xéo lên sành, đập lên sỏi.

278 *Khá tua*: phải nên.

279 Nguyệt Nga đã trôi giạt tới chốn cửa ải và núi non, xa xôi cách trở.

280 Ra đời: ra hoạt động, giúp đời.

281 *Quy y*: đi tu.

282 *Hầm hút tương rau*: cảnh nghèo.

283 *Minh sinh*: mảnh lụa, vải hay giấy dài ghi tên họ, chức tước người chết để cúng.

284 Người ta có tổ tiên cha mẹ như nước có nguồn cây có gốc.

285 *Chín trăng*: chín tháng (mẹ mang thai con chín tháng).

286 *Nằm giá*: Nằm trên băng giá. Số Liêu xưa nằm trên băng để băng tan, bắt được cá chép về cho mẹ ăn chữa bệnh.

Khóc măng: Mạnh Tông thương mẹ vốn thích ăn măng. Mùa đông ông vào rừng kiếm măng không được, ôm trúc mà khóc, tự nhiên măng mọc.

287 *Nhị thập tứ hiếu*: 24 gương hiếu xưa.

288 *Ra bề*: ra bề thế.

289 *Biếm quyền*: giáng chức quan.

290 Hồ phương Bắc, Việt phương Nam.

291 *Chia Bâu*: chia li.

292 Kiều công mong cho Nguyệt Nga sẽ thành gia thất và sinh được con hay.

293 *Kinh sư*: kinh đô.

294 *Khôi khoa*: đổ đầu (trạng nguyên).

295 *Chi*: lệnh vua. Quốc trạng: trạng nguyên của cả nước. Dẹp loạn: dẹp loạn.

296 *Đề binh*: đem binh đi đánh giặc.

297 *Binh di*: dẹp giặc.

298 *Tương hội*: cùng hội họp với nhau.

299 Một tiếng truyền lệnh, oai hùng như sấm làm phấn khởi mọi người.

300 *Tiên phong*: quân xông trận mặt trước.

Hậu tập: quân đánh bọc mặt sau.

301 *Bình tặc*: dẹp yên giặc.

302 *Binh đáo quan thành*: quân đến trước cửa thành.

303 Ra quân, chống trả.

304 *Dường lôi*: như sấm sét đánh.

305 *Siêu*: binh khí có lưỡi dài. Ngựa ô: ngựa lông đen.

306 Không quân hiểm nghèo.

307 *Tam canh*: canh ba

308 Nguyệt Nga không mong gặp được Vân Tiên như Chức nữ gặp Ngưu lang.

309 Thề bẽ hẹn non, bền chặt.

310 *Bảng lảng bơ lơ*: kinh ngạc ngẩn ngời.

311 *Khúc nôi*: nỗi niềm, sự tình.

312 *Tẩu tẩu*: chị dâu.

- 313 *Triều ca*: buổi thiết triều.
Đề huề: dắt tay nhau cùng đi.
314 *Qua mâu*: binh khí thời xưa.
315 *Chậu úp*: nói nơi tối tăm, ánh sáng không lọt tới, trong ngoài không thông nhau, ví nổi oan không cách giải tỏ.
316 *Ghe phen*: nhiều phen.
317 *Tướng ngỏ tôi hiền*: khanh tướng và kẻ bề tôi hiền.
318 *Chín trùng*: vua.
319 *Đồng công*: tức Đồng Trác.
320 ý nói thản nhiên như không.
321 *Bài vị*: miếng gỗ hay mảnh giấy cứng, mặt có ghi tên người chết để thờ.
322 Các thứ lớp từ trước đến nay.
323 Chỉ Vân Tiên.
324 *Tuần dư*: hơn mười ngày.
325 *Phòng*: hóng chờ.
326 *Biêu*: nêu lên cho mọi người biết.
327 *ý câu*: Vân tiên bị xem là kẻ oán thù với nhà Thế Loan, thì Vân Tiên đã bị nhà Thế Loan hãm hại, tức Vân Tiên trả xong nợ rồi.
328 *Ca ca*: anh. Chịu đi: ưng thuận đi.
329 *Sáu lễ*: sáu lễ trong việc cưới hỏi thời xưa.
330 *Gót lân*: chỉ con cháu có tài có đức.